Năm thứ nhất. — Số 25 Thứ sáu, 28 Novembre 1941

TRI TÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghè triều Lê I — *Nguyễn-văn-Tố*
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (VI) — *Ứng-Hoè*
Hi-sinh cho khoa-học — *Hoa-Bằng*
Nguyên-nhân sâu-xa của phong-trào thơ mới — *Hoài-Thanh*
Quý gà hơn mẹ — *Nhật-Nham*
Chai dầu tây (chuyện thực) — *Mạnh-Phan*
Cai Vàng là người thế nào? — *Tiên-Đàm*
Bàn thêm về bài « Quốc-sử chép đúng » — *Lam-Giang*
Nhi-đồng trước vấn-đề thể-dục — *Phan-kỳ-Nông*
Tiền-quân Nguyễn văn-Thành I — *Nguyễn Triệu*
Từ bán-đảo Crimée đến miền núi Caucase — *Nhật-Nham*
Thoát cung vua Mạc (tiểu thuyết dài) — *Chu-Thiên*
Việt-nam văn-học sử (XIV) — *Hoa-Bằng*

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6$80 — 6 tháng 3$50 — 3 tháng 1$80

Mỗi số 15 xu

TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Hi-sinh cho khoa-học!

HOA-BẰNG

THEO tin Arip hồi thượng tuần Novembre 1941, giáo-sư Max Jayle, một nhà khoa-học trứ-danh Pháp, hôm 22 Septembre, trong khi đang làm việc ở phòng thí-nghiệm hóa-học tại viện Institut de Puériculture, gặp phải tai-nạn rủi-ro vì bầu thủy-tinh nổ, tung bắn bao nhiêu mảnh sắc vào mặt, vào mắt, đến nỗi hỏng cả hai mắt, sau khi y giới hết cứu chữa nhưng vô-hiệu!

Để tỏ chút đền-bù cho người đã dâng mình làm hi-sinh trên bàn thờ khoa-học ấy, Chính-phủ Pháp đã sai gắn bắc đầu bội-tinh. (Tri-Tân đã nói sơ việc này ở mục Tin-tức số 23, trang 16).

Đối với những người không trọng khoa-học, tin này chỉ là một việc tầm-thường, mà nhà bác-học không may kia chỉ như trăm nghìn nạn nhân trong những trường hợp rủi-ro khác.

Không thể thế được. Phải coi đó là một việc rất cảm-động và người đã hi-sinh cho khoa-học ấy rất đáng biểu-dương.

Ôi, nửa đời tận-tụy, đem thông minh, tài-học tô-điểm cho non sông, nay hai « bó đuốc của thần-trí » bỗng bị mờ tối vì làm phận sự, còn gì đáng cảm thương cho bằng!

Xã-hội ta nay, đương lúc hãy còn ấu-trĩ về khoa-học, trăm công nghìn việc hãy còn thiếu thốn và kém cỏi vì không có khoa-học-hóa! Đối với tấm gương hi-sinh của nhà bác-học Max Jayle ấy, ta há lại không nên nêu cao cho mọi người soi chung?

Người mình, nhất là phần đông thanh-niên, bấy lâu đã quá thiên về vật-chất, mê-say lăn-lộn trong vũng bùn hoa-liễu, cười thâu đêm, say suốt sáng, sức-lực và tinh thần ngày một hao mòn, kết cục thân tàn ma dại vì quá phóng đãng, trác táng. Mấy ai đã chịu thờ-phụng lý-tưởng, hi-sinh cho khoa-học?

Mấy ai đã chịu thành tâm thờ khoa học, suốt đời cặm cụi ở trong phòng thí-nghiệm, làm việc cho cuộc tiến hóa chung của loài người, sả thân vì thiên-chức thiêng-liêng như giáo-sư Max Jayle kia!

Sau khi nhà bác-học M. Jayle bị mục tật, chắc thế nào cũng sẽ còn đem tấm thân tàn mà cống hiến cho đời những công việc có thể làm được mà không phải dùng đến sức mắt.

Vì loài người có những thứ tinh chất do trời phú-bẩm, nếu không bị kích thích xô đẩy rất mạnh thì nó cứ mãi mãi không hiển hiện ra. Cái tiềm-lực của chân lực-lưỡng ấy, cứ ngầm chứa ở tầng trong cùng của sinh mạng người ta, cho nên những thứ kích thích tầm thường không thể gợi nó nảy ra được. Nhưng khi nào, nếu bị xúc động mạnh quá hay bị đẩy vào bước cùng thì cái tiềm-lực ở tầng trong cùng của sinh-mạng ấy mới phát sinh ra, bấy giờ mới giúp cho người ta làm thành được sự-nghiệp mà ở giữa tình hình bình-thường quyết không làm nổi.

Trong lịch-sử đã có biết bao chuyện làm chứng cho lời ấy. Lắm người vì muốn bổ-cứu những cái khuyết-hám về phần thân-thể cho mình, họ đã tạo nên được những phẩm-cách đáng kinh ngạc và làm thành công được những việc rất kỳ-dị.

Chính John Milton (1608-1674), một thi-sĩ trứ danh Anh, sau khi mù, còn làm được tập le Paradis perdu *là một thi-phẩm bất-hủ.*

Lại như Augustin Thierry (1795-1856), một sử-gia Pháp rất nổi tiếng, vì tận-tụy với sử-học mà phải mang mục tật! Nhưng ông vẫn theo đuổi công-cuộc, hăng-hái tiến bước trên đường lý-tưởng, Không vì tật-bịnh ác-hại, cảnh-ngộ đau-đớn mà rủn chí ngã lòng. Chính ông đã nói: « Ở đời, có cái còn quí giá hơn những món hưởng thụ về vật-chất, hơn của-cải, hơn cả sức khoẻ nữa, ấy là sự tận-tụy cho khoa-học.»

Vậy, ở đời, nhất là ở trong cái xã-hội Việt-nam này, ta nên thờ lý-tưởng, nên hi-sinh cho khoa-học, nên dâng trọn mình cho cuộc tiến-hóa chung của xã-hội, dù mình chỉ còn là một tấm thân tàn!

Đã từ lâu, tôi có đọc cuốn « Nhị vị tập », *còn nhớ trong đó có một câu danh-ngôn rất trúng thời bịnh: « Người đời nay rất sợ chết, nhưng đối với những việc thương sinh, họ không hề kiêng cữ một việc nào! » Theo luận-điệu ấy, tôi cũng thử nói. Phần đông thanh-niên ta nay rất sợ hi-sinh cho khoa-học, nhưng lại « vui lòng » hi-sinh cho vi-trùng những bệnh hoa-liễu!*

Cùng là một tiếng tàn-tật, nhưng nếu tàn-tật vì khoa-học như Max Jayle tàn-tật vì sử-học như Augustin Thierry, thì đương thời ai cũng cảm-động mà tiếng thơm còn mãi nghìn thu. Trái lại, dâng thân làm mồi cho vi trùng bịnh yên hoa, thì chẳng những khổ thân, làm lụy gia đình, mà lại mắc tiếng mang tai, đắc tội với nòi giống.

Các bạn thanh niên! Ta đừng hi-sinh một cách vô-ích

HOA-BẰNG

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 1

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ biên-tập

NGÀY thứ năm, 30 Octobre 1941, nhân có buổi họp ở Hội Truyền-bá quốc-ngữ, tôi có đem chiếu một ít kính ảnh của Trường Bác-cổ chụp ở Văn-miếu Hà-nội, là nhà Thái-học ngày xưa, để nói chuyện với các giáo-viên trong hội về việc học ở đời Hậu-Lê (1428-1789).

Trong số kính đem ra chiếu, có một chiếc chụp trên tàu bay, từ cổng Văn-miếu đến điện Khải-thánh, gồm cả cửa Đại-trung (tức là *Đại-học* và *Trung-dung*), lầu Khuê-văn, giếng Thiên-quang, điện Đại-thành : cách bố-trí y như miếu Khúc-phụ (Lỗ-huyện), tỉnh Sơn-đông, là nơi còn phần-mộ và miếu-đình của đức Khổng.

Tôi có cho chiếu cả ảnh chụp những tấm bia dựng hai bên giếng Thiên-quang, và có nói cho các bạn trong Hội Truyền-bá biết rằng hiện có tám mươi hai tấm bia, đề tên 1.111 ông nghè, trên tự năm Thái-bảo nhâm-tuất (1442), dưới đến năm Cảnh-hưng kỷ-hợi (1779).

Theo bài bia của ông Lê-hữu-Thanh, bố-chánh Hà-nội năm Tự-đức mười sáu (1863) (bia thứ 43, bên hữu, đình thứ ba), thì « 82 mặt bia ấy, chỉ là nghìn phần còn trăm, mười phần còn một : gió táp mưa trôi, cỏ che rêu mọc, chữ khắc mờ phẳng, mất độ mười mặt... Cái gì có hình hẳn có hoại, phương-chi là cái bia ! »

Các bạn trong Hội Truyền-bá nhân câu ấy (*hữu hình tất hữu hoại, nhi huống ư bi hồ*), bảo tôi nên đem bia Văn-miếu ra khảo-cứu để bổ khuyết một đoạn lịch-sử nước nhà. Lúc bấy giờ tôi còn ngần-ngại chưa dám quyết, vì tự biết rằng muốn làm cho chu-đáo, không những phải in ảnh bia, sao nguyên-văn và dịch ra tiếng nôm, lại còn phải tra-cứu các sách nói về đời Hậu-Lê. Tuy chưa có thể làm đúng cái chương-trình ấy, song tôi tưởng cũng nên theo ý các bạn đồng-chí bắt đầu sưu-tập, kẻo lâu ngày mai-một đi chăng. Vậy xin lần-lượt xét hết cả 82 cái bia dựng ở sân miếu.

I

Cái bia cũ nhất đề tên các tiến-sĩ khoa nhâm-tuất năm Đại-bảo thứ ba (1442). Tên chữ là *Đại-bảo tam niên nhâm-tuất khoa, tiến-sĩ đề danh ký*. Nguyên-văn chữ nho dịch ra như sau này :

« Thánh-triều Thái-tổ Cao-hoàng-đế (1428-1433), giời cho trí dũng, nghiệp thịnh kinh-luân, bỏ kẻ bạo, trừ kẻ tàn, cứu dân ở chỗ lầm than, sửa-sang việc văn việc võ, chiêu-tập những kẻ tuấn-mao để làm cho thành-hiệu việc cai trị mới, chiếu trong thiên-hạ dựng nhà học để đào-tạo nhân-tài, trong có trường Quốc-tử-giám, ngoài có nhà học ở các phủ.

« Vua thân kén con cháu nhà quan cùng những người dân thường tuấn-tú cho vào làm học-sinh thị-cận, thị-ngự-tiền, mọi cục, và làm giám-sinh ở Quốc-tử-giám. Lại sai hữu-tư rộng kén những lương-gia tử-đệ ở dân-gian, sung làm sinh-đồ các phủ, đặt thày nho-học để dạy bảo, khắc sách-vở để ban-bố : đường đất nuôi nhân tài, thực đã rộng vậy (1).

« Còn việc thi lấy học-trò, hoặc dùng minh-kinh, hoặc dùng phú-luận, hoặc vua hỏi sách để, đều tùy tài đặc ân bổ dụng.

« Đương lúc bấy giờ, khoa tiến-sĩ tuy chưa dựng (ở nước ta), nhưng mà kỳ thực chuộng đạo nho, cách lấy học-trò đại-khái đã đủ (2) ; mở nền thái-bình muôn đời chính ở đấy.

« Đức Thái-Tôn Văn-hoàng-đế (1433-1442) nối nghiệp nhớn, tỏ sự vẻ-vang đời trước, lấy văn-học mà giáo-hóa thiên-hạ, lấy sự trọng đạo chuộng nho làm việc đầu, lấy việc tìm người giỏi kính giời làm mưu tốt ; nên cách cai trị trước hết phải mở khoa thi, chọn học-trò giỏi và ban đồ phủ-phất của nhà vua : khoáng-trương nền tiến-hóa là ở đấy ; sửa-sang chính-sự, làm cho dân có những phong-tục tốt cũng ở đấy. Các bậc đế-vương xưa kia làm thành-hiệu được việc cai-trị, chẳng bởi đấy hay sao ?

1) Ông Léonard Aurousseau đã dịch bài văn bia này ra chữ Pháp cho *Revue indochinoise*, tháng Juillet 1913 (*Le Temple de la Littérature de Hanoi*) ; có nhiều câu dàn ra quá như câu trên kia, nguyên-văn là *dục tài chi địa, cố dĩ quảng hĩ*, ông Aurousseau dịch là : « Les dispositions prises pour assurer le développement des talents étaient déjà, sans contredit, importantes et libérales » !

2) Nguyên-văn chữ Hán là : *nhi sùng nho chi thực, thả sĩ chi phương đại-khái dĩ bị* ; thế mà ông Aurousseau dịch là : et pourtant l'on y rendait déjà hommage au mérite réel du lettré et l'on y savait distinguer l'homme de talent » ! Như thế thì lạc nghĩa quá ! Còn nhiều câu nữa cũng sai như thế, kể hết cả ra, không có ích gì : tưởng nói qua là đủ.

« Đức Thánh-tổ hoàng-đế đã định qui-mô, nhưng chửa kịp thi-dụng ; muốn sáng-sủa đời trước, phấn-trấn đời sau, thì hồi bấy giờ là năm Đại-bảo thứ ba (1442), tức là năm nhâm-tuất, có rộng mở kỳ thi hội về mùa xuân (gọi là xuân-vi) Lúc ấy nhiều học-trò ứng-cử, tính tới 450 người. Trúng tứ trường được 33 người : hữu-tư (là người coi việc) đem danh-sách dâng vua. Vua sai chọn ngày cho vào đình đối.

« Khoa thi ấy, quan đề-điệu là thượng - thư tả - bộc - sạ Lê-văn-Linh, quan giám-thí là ngự-sử-đài thị-ngự-sử Triệu - Thái. Các quan tuần-sước, thu-quyển, di - phong, đằng - lục, đối-độc, người nào làm việc ấy.

« Mồng hai tháng hai, vua ngự ở điện Hội-anh, thân ra sách hỏi ; hôm sau các quan đọc quyển là hàn-lâm-viện thừa - chỉ học - sĩ kiêm trung - thư quốc - sử-sự Nguyễn - Trãi, trung - thư tỉnh trung-thư thị-lang Nguyễn-mộng-Tuân, nội-mật - viện trí-viện-sự Trần-thuấn-Du, quốc - tử - giám bác-sĩ Nguyễn-tử-Tấn, vâng mang quyển lên đọc, dâng bày vua xem, cho thứ-bực cao thấp, cho Nguyễn - Trực trạng - nguyên, Nguyễn - như - Đỗ bảng - nhỡn, Lương-như-Hộc thám - hoa. Lũ Trần văn-Huy bảy tên tiến-sĩ. Lũ Ngô-sĩ-Liên hai-mươi-ba tên phụ-bảng (theo tên đời trước gọi là phụ-bảng).

« Mồng ba tháng ba, xướng danh treo bảng, làm cho nhiều học-trò quan-chiêm vui-vẻ. Ân-mệnh tước-trật đề tiêu-biểu, mũ-đại y-phục đề phấn-sức, cho ăn yến ở vườn Quỳnh-lâm tỏ ơn từ-huệ, cho ngựa đưa về tỏ ý quyến-luyến. Những sĩ-phu ở chốn tràng-an, họp nhau đến chỗ này xem, đều mừng thánh - thượng sùng nho, xưa nay ít có.

« Mồng bốn lũ trạng - nguyên Nguyễn-Trực dâng biểu tạ ơn. Mồng chín từ biệt bệ-hạ đề vinh qui.

« Đó là cái kết quả tốt về khoa đầu của thánh-thế gia ơn, làm cho sĩ phu được vẻ - vang. Đến nay nhiều học-trò vẫn còn khen-ngợi. Tự bấy giờ về sau thánh-nối thần truyền, đều theo phép cũ.

« Bây giờ Hoàng - thượng (Lê Thánh - Tôn, 1460 - 1497) trung-hưng nghiệp nhớn, rộng mở văn-học, chế-độ đều mới : ai ai cũng tai nghe mắt thấy. Đến như phép lấy học-trò, lại càng chú-ý lắm : phàm tiên-triều đã làm việc gì, thì theo mà gìn-giữ ; việc gì tiên-triều chưa làm, thì thêm ra cho rộng-rãi. Sau khi gọi loa yết bảng, lại còn dựng bia đá đề tên đề truyền lâu dài, khuyên phép hay ý tốt, như thế không gì hơn nữa. Ôi ! thịnh vậy !

«Từ năm Đại-bảo thứ ba (1442) đến giờ, việc dựng bia đá đề tên mọi khoa tiến-sĩ vẫn chưa làm. Thượng-thư bộ Lễ là lũ Quách-đình-Bảo, kính vâng mệnh vua, theo thứ-tự tên họ, khắc vào đá tốt, và xin đồi trạng - nguyên, bảng-nhỡn, thám-hoa làm tiến-sĩ cập-đệ, phụ-bảng làm đồng-tiến-sĩ xuất-thân, đề hợp cách ngày nay. Vua cho là phải, sai chúng tôi là lũ Thân-nhân - Trung chia soạn văn ký. Kẻ thần-hạ chúng tôi kính vâng đức-âm, hân-hạnh nhường nào ! Xem việc lập bia đá đủ biết cái thịnh-ý của nhà vua cầu người hiền đề lo việc nước và truyền được lâu dài. Việc lập bia là một việc nhớn đề khuyên đời và là một sự rất may cho nền văn - học. Kẻ thần - hạ chúng tôi tuy dốt-nát nhưng đâu dám từ-chối, xin kính-trọng chắp tay cúi đầu mà soạn bài ký.

«Hiền tài là nguyên-khí của nhà nước : nguyên-khí thịnh thì thế nước mạnh mà thịnh ; nguyên khí không đủ thì thế nước yếu mà ô-nhục. Vì thế các bậc thánh-đế minh-vương đều lấy sự kén nhân-tài, lấy học-trò giỏi làm việc vun - giồng nguyên - khí ; bởi những người học-trò ấy có quan-hệ đến nhà nước, cho nên ý sùng-thượng trọng - vọng không có chừng nào như thế, nào đã yêu cho khoa - danh, lại trọng cho tước-trật, ơn rất đằm-thắm, còn cho là chưa đủ, lại nêu đề ở tháp nhạn, phong cho hiệu rồng-hổ. Triều-đình được người giỏi, mở tiệc mừng, không một việc gì là không trọng-hậu.

« Vừa nay thánh-minh lại cho việc thi là một cảnh mỹ - quan thịnh-sự, tuy rực-rỡ một thời, lưu - truyền tiếng thơm, nhưng chưa đủ rõ-rệt lâu dài, cho nên lại dựng bia đá đề tên, đặt ở cửa những bậc hiền-triết, khiến cho nhiều học-trò trông thấy, hâm - mộ hưng - khởi, chuộng nghiêm danh-tiết, gắng giúp nhà vua, há chỉ chuộng việc hư-danh hư-văn mà thôi ? Ôi ! những học-trò nhà có lều tranh, như một mảy rất nhỏ, mà được triều-đình sùng-chuộng như thế, thì trí làm học-trò nên tự-trọng mà lo toan báo đền. Đây hãy lấy họ tên một khoa mà bày kề.

« Những người có văn - học chính-sự làm đẹp - đẽ cho nền bình-trị, vài mươi năm nay đã được nhà nước dùng nhiều. Thỉnh-thoảng có người vì ăn lót mà hỏng, hoặc mắc vào bọn gian-nhũng, bởi vì bình - sinh chưa được thấy phiến đá tốt này bao giờ ; giả-sử đương-thời mà mắt họ trông thấy, thì lòng thiện vui, lòng ác bèn thôi, đâu dám có mầm ác ấy ? Thế thì việc dựng bia đá này, bổ-ích rất nhiều : người ác

Xem tiếp trang 23

Một kiến-giải của bạn trước vấn-đề thơ mới

Nguyên-nhân sâu-xa của phong-trào thơ mới

MỘT xã-hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi về hình-thức cũng như về tinh-thần. Triều-đại tuy bao lần hưng vong, giang-sơn tuy bao lần đổi chủ, song mọi cuộc biến-cố về chính-trị ít khi ba động đến sự sống của nhân-dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập-tục, bấy nhiêu ý-nghĩ, bấy nhiêu tin-tưởng, cho đến những nỗi yêu, ghét, vui, buồn cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn-khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không-gian.

Nhưng nhất đán một cơn gió mạnh bỗng từ xa thổi đến. Cả nền-tảng xưa bị một phen điên-đảo, lung-lay. Sự gặp-gỡ phương Tây là cuộc biến-thiên lớn nhất trong lịch-sử Việt-nam từ mấy mươi thế kỷ. Phải trở lại cái thời tổ-tiên ta mới tiếp-xúc với người Trung-hoa, hơn nữa, phải trở lại cái thời giống người Anh-đô nê-diêng (1) lần thứ nhất đề chân vào lưu-vực sông Hồng-hà mới hòng tìm được một cuộc biến-thiên quan trọng như vậy.

Trước mắt chúng ta bỗng bày ra những cảnh lạ-lùng chưa bao giờ từng thấy. phương Tây đã đến với chúng ta. Nó là một sự thực. Một sự thực càng ngày càng thực thêm.

Chúng ta ở nhà tây, đội mũ tây, đi giày tây, mặc áo tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng-hồ, ô-tô, xe lửa, xe đạp... còn gì nữa! Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật-chất phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình ngày trước. Nào dầu tây, diêm tây, vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây. Đừng tưởng tôi ngụy biện. Một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan-niệm của phương Tây về nhân-sinh, về vũ trụ và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan-niệm của phương Đông. Những đồ dùng kiểu mới ấy chính đã dẫn đường cho tư-tưởng mới. Trong công-cuộc duy-tân, ảnh-hưởng của nó ít ra cũng ngang với ảnh-hưởng những sách nghị-luận của hiền-triết Âu-Mỹ, cùng những sách cổ-động của Khang, Lương. Sĩ-phu nước ta từ xưa vốn chỉ biết có Khổng-tử, bắt đầu dẫn Mạnh-đức-tư-cưu với Lư-thoa. Họ bắt đầu viết quốc-ngữ, một thứ chữ mượn của người phương Tây. Câu văn của họ cũng bắt đầu có cái rõ-ràng, cái sáng-sủa của văn tây. Những tư-tưởng phương Tây đầy-dẫy trên *Đông-dương tạp chí*, trên *Nam phong tạp chí* và từ hai cơ-quan ấy thấm dần vào các hạng người có học. Người ta đua nhau cho con em đến trường Pháp-Việt, người ta gửi con em sang tận bên Pháp. Thế rồi có những người Việt-nam đậu kỹ-sư, đậu bác-sĩ, đậu thạc-sĩ, có những người Việt-nam nghiên-cứu khoa-học, triết-học và có những người Việt-nam nghĩ chuyện xây dựng một nền học riêng cho nước Việt-nam.

Bấy nhiêu sự thay-đổi trong khoảng năm sáu mươi năm! năm sáu mươi năm mà như năm sáu mươi thế-kỷ! Nhưng cuộc Âu-hóa không phải chỉ có thế. Nó đã đi qua hai giai-đoạn: hình-thức và tư-tưởng, nó còn phải đi qua một giai-đoạn nữa. Nó đã thay-đổi những tập-quán sinh-hoạt hằng ngày, nó đã thay-đổi cách ta vận-động tư-tưởng, tất nó sẽ thay-đổi cả cái nhịp rung-cảm của ta nữa. Những hình-thức mới của cuộc đời, những tư-tưởng mới và nhất là ảnh-hưởng văn-học pháp ngày một thấm thía, ấy là những lợi khí Âu-hóa trong giai-đoạn thứ ba này.

Phương tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong hồn ta. Ta không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước, yêu ghét, giận hờn nhất nhất như ngày trước. Đã đành ta chỉ có từng ấy mối tình như con người muôn nơi và muôn thủa, nhưng sống trên đất Việt-nam đầu thế kỷ hai mươi, những mối tình của ta không khỏi có cái màu sắc riêng, cái dáng dấp riêng của thời đại.

«... Các cụ ta ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt...» Các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao-nao vì tiếng gà lúc đứng ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi; ta thì ta cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái-tình của các cụ thì chỉ là sự hôn-nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoảng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi..., cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu».

Mấy câu nói xô bồ, liều lĩnh mà tha thiết của ông Lưu trọng Lư ở nhà Học hội Qui-nhơn hồi Juin 1934 đã vạch rõ tâm lý cả lớp thanh niên chúng ta.

Tình chúng ta đã đổi mới, thơ chúng ta cũng phải đổi mới vậy. Cái khát vọng cởi trói cho thi-ca chỉ là cái khát-vọng nói rõ những điều tín nhiệm, u-uất, cái *khát-vọng được thành-thực*. Một nỗi khát-vọng khẩn thiết đến đau đớn. Chính ông Lưu-trọng-Lư cũng đã viết trong quyển *Người sơn-nhân* hồi mai 1933: «Người thanh niên việt-nam ngày nay đương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình như người con đi tìm mẹ».

Đã thế, không thể xem phong-trào thơ mới là một chuyện lập-dị do một bọn dốt nát bày đặt ra để kiếm chỗ ngồi trong làng thơ. Nó là kết-quả không thể không có của một cuộc biến-thiên vĩ đại bắt đầu từ hồi nước ta sát-nhập vào đế-quốc Pháp và xa hơn nữa, từ hồi Nguyễn Trịnh phân tranh lúc người Âu mới đến. Cái ngày người lái buôn phương tây thứ nhất đặt chân lên xứ ta, người ấy đã đem theo cùng với hàng hóa phương tây, cái mầm sau này sẽ nẩy thành thơ mới.

HOÀI-THAN

1) Tôi không tin rằng người Việt-nam vốn quê hương trên sông Dương-tử,

---

Hộp thơ

Ông Huỳnh trung-Thật, Cần thơ — Đã nhiều lần chúng tôi tuyên bố chỉ giữ báo đủ collection từ 1 đến nay cho bạn đọc mua 1 năm theo giá mới mà giả tiền trước thôi mà!

HỒ BA-BỂ

TRONG cuộc Bắc-tuần, Hoàng-thượng ngự giá thăm hồ Ba-bể. Tưởng thuật qua lịch-sử hồ Ba-bể ra đây để hiến độc-giả, không phải là vô-ích vậy.

Hồ Ba-bể thuộc châu Chợ-rã tỉnh Bắc-cạn là một nơi danh-thắng miền thượng-du Bắc-kỳ.

Một bể tại địa-phận xã Tiêu-loan và hai bể thuộc địa-phận xã Nam-mẫu giáp tỉnh Tuyên-quang. Một dãy núi đá bích-lập, có thác từ cao đổ xuống, làm giới hạn cho hồ Ba-bể về phía tây. Chung-quanh hồ có núi bao-bọc, « cỏ cây chen đá, lá chen hoa », suối chảy, thông reo : Cảnh-trí thực là u-nhã ! Giữa bể, có nhiều núi, nhiều đảo đột khởi trên mặt nước, khi sóng gió dập-dờn, lúc bình-tĩnh thuyền chài quanh lượn, xa xa trông thực hữu-tình ! Phong cảnh đẹp ấy, ví với tám cảnh Tiêu-tương và Ngũ-hồ nước Tàu, tưởng cũng chỉ thế ! Cảnh hồ Ba-bể đã đẹp, lại điểm thêm dãy núi Côn-lôn trùng-trùng điệp-điệp, một dãy núi bích-lập cao hơn mặt bể vài nghìn thước, chạy từ Tuyên-quang đến địa-phận Thái-nguyên. Giữa núi, có nhiều động thanh-u. Trong động, thạch-nhủ dủ xuống lóng-lánh tựa ngọc-châu, cảnh-sắc như vẽ. Lại có suối chảy róc-rách, làm cho bức tranh thiên-nhiên của tay thợ Tạo đã vẽ càng thêm linh-động Thực là một nơi đại thắng-cảnh, không bút nào tả xiết, trong nước Việt-nam, đã chèo-kéo bao khách đông tây qua lại.

Tục truyền : Xưa, tại làng Nam-mẫu, có thiết-lập trai đàn, người các nơi đến xem rất đông. Trong số ấy, có một bà lão mình già, sức yếu, ăn mặc đã rách-rưới, thân mình lại đeo bệnh hủi, đi khất thực mọi người. Nhưng từ sáng đến tối, chỉ bị mắng đuổi, không sao xin được bữa ăn. Tối đến, bước chân ra về, thì gặp mẹ con một người làng Nam-mẫu có lòng từ-thiện, thấy tình-cảnh đáng thương, bèn cứu vớt qua cơn đói khát.

Tối, về tới nhà, mẹ con nhà từ thiện đã thấy bà lão ăn mày vào xin ngủ trọ.

Mẹ con nhà ấy cũng vui lòng đón người hủi vào nhà, ân cần tiếp đãi rất tử-tế và cho ngủ nhờ trong một căn buồng tĩnh-mịch.

Sáng hôm sau, người hủi tỉnh dậy bảo chủ nhà : « Hôm trước, tôi xem đám chay, thập phương rất đông, nhưng đều là gươm trăm, giáo mớ, bị vô-minh che phủ từ-đoan, không ai còn bụng nhân từ, tất rồi đây sẽ phải chịu cái khổ trầm luân. Duy mẹ con bà có chút lòng nhân-hậu, đã cứu người nghèo cho qua cơn đói rét. Ta xin trả ơn phiếu-mẫu bằng nhời dặn sau này : Nay mai, xứ này sẽ có cuộc tang-thương biến cải. Hễ thấy sự gì khác thì con bà phải kíp dời nhà cửa lên ẩn trên cao-nguyên, chớ có tham-luyến nơi này mà mang họa . . . »

Rồi người hủi từ-biệt ra đi.

Ai ngờ, nhời người hủi dặn lại ấy chẳng bao lâu đã thành sự thực.

Trong khi mọi người còn đương mải miết xem cuộc làm chay thì tự nhiên một giòng nước từ dưới đất chảy ra, làm lở cả mặt đất, trước xoáy thành hố, sau dần dần khơi rộng thành đầm ao, rồi thành hồ, thành ba cái bể rất to ước hai ba dặm.

Trước đó, mẹ con nhà từ thiện sực nhớ nhời người hủi, đã bỏ nhà, di cư đến chân núi, cách xa ba dặm đường, rồi lưu trú tại đấy. Về sau, sinh sản mỗi ngày một nhiều. Nòi giống đông đàn dài lũ, kết tập thành xóm thành làng ở ven hồ. Tới nay, dân đinh làng ấy vẫn thịnh vượng.

Phàm những núi vây quanh ba bể đều thuộc địa phận làng Nam mẫu.

Thực là một khu vực to tại vùng Ba bể vậy.

Trên là một chuyện truyền thuyết, tôi chỉ thuật ra để làm món quà mua vui. Còn thực hay hư, xin nhường các bậc cao-minh phán-đoán.

Trải qua bao cơn dâu bể, hồ Ba-bể mặt nước vẫn xanh xanh phẳng lặng từ nghìn xưa cho tới nghìn nay. NHẬT-NHAM

Số xuân Tri-Tân (Nhâm-ngọ, 1942)

Bài-vở, do những cây bút đứng-đắn viết ;
Trình-bày, do họa-sĩ Trịnh-Vân trông-coi...

Tri-Tân, số *XUÂN NHÂM-NGỌ* này, từ tinh-thần đến hình-thức, sẽ làm vừa ý các bạn đọc thân-yêu.

Sử - học luận đàn

Bàn lại về bài «Quốc-sử chép đúng»

Sử học là một môn học rất khó. — Người đời sau nhờ sử-ký mà biết chuyện đời trước, song về đời thượng cổ khi văn tự chưa xuất hiện, thì làm thế nào mà biết sự thực? Người ta thường căn cứ vào những khí cụ thời xưa như búa đá, dao đá hoặc những động đá, nhà đá, nơi đình từ đá (menhir, dolmen). Sử học lại cần phải có nhiều môn học phụ tùng, khoa xem tiền cổ (numismatique), khoa xem bia đá (épigraphie), khoa xem chữ xưa (paléographie) v. v.

Khi đã xem xét cẩn thận rồi, nhà sử học mới dùng phương pháp tổng quan (méthode synthétique) sắp đặt các việc đã xảy ra một cách hợp-lý.

Nhưng mà từ chỗ hợp-lý đến chỗ có thật còn cách nhau xa.

Sử ta về đời Hồng-bàng là một mớ chuyện rối như tơ và tối như đêm ba mươi, các nhà chép sử chỉ theo lời truyền miệng mà viết, cho nên có nhiều chỗ bất hợp-lý, đáng ngờ. Vì thế cần phải thảo luận.

Con gái vua Hùng Vương thứ 18 tên là gì? — Mị nương chăng? Mị nương là danh từ chung hay là tên riêng? Mị nương là một nàng công chúa, hay là cô con gái họ Mị, tên Nương?

Mị-nương, theo văn pháp mà xét, là cô Mị 媚娘. Và nên nhớ rằng chữ «mị» có chữ «nữ» một bên. Điều đó chứng tỏ gì? Theo ý tôi, các bộ lạc, dân tộc đời cổ chia ra nhiều phái hệ, có bộ-lạc thuộc về phụ tộc, có bộ-lạc thuộc về mẫu-tộc. Có lẽ dân Việt trước cũng theo thể mẫu-tộc (régime matronymique) chăng? Nhưng rồi sao sau lại đổi theo thể phụ-tộc? Có việc gì quan trọng mới đổi chính-thể chứ? Sử-ký đã nói về chỗ này những gì? Không ai biết cả!

Tư Mã-Thiên nói Sở và Việt đồng tổ, tức là đồng tộc. Như vậy, không phải là nước Sở, nước Việt mà là bộ-lạc Sở và bộ-lạc Việt (clan Sở ou clan Việt; ou phratrie Sở, ou phratrie Việt). Lại nói nước ta xưa bắc giáp Động-đình hồ, nam giáp Hồ-tôn, tây giáp Ba-thục, đông giáp Đông-hải. Thế sao Văn lang quốc chỉ có 15 bộ mà quanh quẩn ở miền bắc Trung-kỳ và Bắc-kỳ? Nước Sở vào thế kỷ thứ 9 trước Thiên-chúa đã chinh phục Việt-quốc. Còn sách nào nói Sở chinh phục được Việt vào năm 333 trước Thiên-chúa mà ông Quế đã dẫn ra? Vậy xin hỏi Sở chinh phục Việt vào năm 900? Hay Sở chinh phục Việt vào năm 333?

Hồng-bàng trị vì từ năm 2879-258 trước Thiên-chúa, tính ra 2622 năm, mà chung qui chỉ có Kinh-dương-vương, Lac-long quân và 18 vua Hùng? Sống chi mà giai-giẳng lâm thế? Các nhà bác học đời nay đã công bố rằng người ta không bị trúng độc (absorption des toxiques) thì có thể sống được 180 năm. Đó là tối cao số. 18 vua Hùng sống lâu quá! Huống chi, lúc đó lại ngang đời Nghiêu, đời Chu (cổng bạch-trĩ). Vua Tàu và người Tàu tại sao lại chết non nhiều hơn người Việt? Vậy xin ông Quế giải quyết giùm cho!

Các bộ lạc cổ đều cho mình là giòng giõi một nguyên-tắc linh-thiêng, hoặc một sinh-vật có phép-nhiệm - mầu. Một giải đất từ Động-đình đến Quảng-bình, Quảng-trị tất có nhiều bộ-lạc ở, chứ lẽ nào lại có một bộ-lạc họ Mị ở mà thôi? Có xảy ra sự gì quan-trọng mà lúc Kinh-dương-vương trị-vì thì nước Việt mênh-mông từ Động-đình đến Hồ-tôn, mà đến Hùng-vương thứ nhứt chỉ còn có Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ? Sử chép gì về chỗ này? Không ai biết!

Và chắc-chắn có 18 đời Hùng-Vương? hay là 81 đời? Nghi-vấn và nghi-vấn! Trong khoảng 2622 năm mà có 81 đời vua thì có gì là nghịch-lý? Tạm cho rằng có Mị nương con gái vua Hùng-vương thứ 18. Tạm cho rằng có Thục Phán cầu-hôn. Nhưng nước Thục ở chỗ nào? Và ai dám quyết rằng bộ-lạc của Thục Phán có tục « ngoại cầu hôn » (exogamie) chứ không phải tục « nội cầu hôn » (endogamie). Phải biết rằng tục-lệ của dân-tộc cổ rất nghiêm-khắc: đáng lẽ phải « nội cầu hôn » mà « ngoại cầu hôn » thì bị tử hình, và đáng phải « ngoại cầu hôn » mà « nội cầu hôn » cũng không còn mạng.

Trước khi nói Thục-Phán cầu hôn Mị-nương, sao không hãy dẫn cho người ta biết nhiều bằng-cớ xác-đáng về Thục-Phán đã theo lệ bộ-lạc mình mà thi-hành chế-độ: « ngoại cầu hôn »?

Tạm cho rằng có Mị-nương. Mị-nương là cô con gái họ Mị, như ông Kiều Thanh-Quế đã nói. Vậy theo ông Kiều Thanh-Quế, thì dân Việt và dân Sở đồng họ Mị, ta có thể nói rằng tất cả các cô con gái nước Sở và nước Việt đều là Mị nương. Ông Quế có biết rằng tên là để chỉ cá-nhân không? Nói Mị-nương là con gái vua Hùng thì còn chi là phân-biệt?

Ông Quế đã quá tin Tư-mã Thiên. Tư-mã Thiên dựa theo bằng-cớ nào mà nói dân Sở và dân Việt đều là họ Mị?

Thêm vào đó, Thục An-dương vương họ Thục sao con gái lại là Mị-Châu? Cha họ Thục, sao con họ Mị? Hay là Thục An-dương-vương lấy người con gái họ Mị (người Việt hay người Sở, theo Tư-mã Thiên hay Kiều Thanh-Quế) mà bộ-lạc người Thục có chế-độ mẫu-tộc (régime matronymique)?

Ai dám quyết-định điều này?

Tóm lại, không ai biết đời Hùng-vương có mấy đời vua, Mị-nương là con ai và Mị-Châu có thật tên là Mị-châu hay không!

Theo thuyết của Ozanam, chuyện hoang-đường là sử-ký thi-vị-hóa. Nhưng mà sau mấy ngàn năm, không thể nào do chuyện hoang-đường mà biết sử-ký.

Tôi mong rằng ông Quế đừng quá tin một đoạn sách tàu mà viết quyết-đoán như vậy. LAM-GIANG

Sử-liệu sống

Cai Vàng là người thế nào ?

NGÀY năm ngoái, nhân về thăm gia-hương, tôi có đến yết một ngôi tổ-miếu, thấy trước miếu còn một cái nền không. Vào từ đường thì bốn hàng cột có đoạn cháy ra than và các sà con hình như bị lửa bén, tôi tò mò hỏi người trưởng họ, mới biết miếu chúng tôi khi trước đã bị « giặc » Cai-Vàng đốt phá gần hết làng; ngôi tổ-miếu bị cháy mất cái nhà bái-đường và lửa đã lấm vào nhà từ đường, tương-truyền rằng cháy như thế trong mấy hôm mà không ai biết vì ngoài bái-đường chứa toàn sách cả, nên cứ cháy âm-ỷ mãi.

Đứng trước cái nhà bị cháy sém ấy, tôi cảm thấy cả một thời binh hỏa mà các cụ già mỗi khi nói lại cho con cháu nghe có kẻ đã cho là chuyện hoang đường. Mà có khi hoang-đường thật, vì truyền thuyết sai lạc, còn thêm bớt vài điều dị-đoán mê tín.

Chuyện « Cai Vàng » cũng là một chuyện bị người ta tô-điểm thêm nhiều quá.

Vậy, Cai Vàng là người thế nào?

Theo sách (1), Cai Vàng tên là Nguyễn-Thịnh, người huyện Phượng nhỡn, tỉnh Bắc-giang, có tòng giáo và làm Cai-tổng (tức như chánh tổng)

Tháng ba năm Tự-đức thứ 15 (1862) tự tôn làm nguyên-súy, và tôn lũ tên Ôn làm minh-chủ, liên lạc với bọn cướp bể miền duyên hải tỉnh Quảng-yên.

Sau khi mộ được vài nghìn quân, Cai-tổng Vàng kéo về Lạng-giang (phủ Lạng-thương bây giờ), đánh tan quân Triều-đình của Phó lãnh-binh Tôn-thất Túy, kéo qua huyện Yên dũng, rồi vây thành Bắc-ninh.

Các đạo binh ở ba tỉnh Ha-nội, Sơn-tây và Hưng-yên được lệnh mộ thêm binh để hội tiễu.

Bố-chánh Hà-nội là Phan khắc-Thuật, Bố-chánh Sơn-tây là Lê Dự, Phó-lãnh-binh Hưng-yên là Vũ Tảo kéo binh sang giải vây cho tỉnh Bắc ninh.

Đánh nhau nhiều trận, quân triều đình thắng. Ông Vũ Tảo kéo được một đạo binh, trong thành đánh ra, ngoài đánh vào, giải được vây, quân giặc bị tan vỡ, và Cai Vàng cũng bị tử trận.

Trên đây là sách chép vắn tắt sơ lược. Tôi nhân gặp một bậc cố-lão trong họ Cai Vàng kể chuyện lại, xin cứ thuật lại ra đây để giúp thêm phần khảo-cứu :

Nguyễn văn-Vàng (2) thường gọi là Cai Vàng sinh năm Gia-long thứ 12 (1813) tại làng Vân-sơn, tổng Sơn đình (cách phủ Lạng-thương chừng 15 cây số).

Lúc thiếu thời, Vàng học chữ nho, thi mãi không đỗ, sau được làm Cai-tổng, tổng Sơn-đình. Không được bao lâu, vì có sự sích-mích với lý-trưởng và dân xã Sơn-đình về việc thu thuế điền, Cai-Vàng can tội ngộ sát, bị bắt giam ở Lạng-giang và Bắc-ninh. Về sau, được tha và phục chức, y vẫn quen tính cũ, nên lại dính-líu vào một vụ cướp. Lần này bị đày đi Yên-thế.

Hồi ấy, năm Tự-đức thứ 13 (1860) ở Hải-dương có tên giặc là Thương-Tuyền (?) nổi lên định cướp thành Hải-dương, quan quân phải mộ quân đánh giặc. Cai Vàng được tha và nhập-ngũ đái tội lập công, nhưng đến Hải-dương, y liền làm phản, theo giặc, rồi mộ quân ở các làng.

Ngày 21 tháng hai năm Tự-đức thứ 15 (1862), Cai Vàng trống giong, cờ mở kéo về Vân-sơn, làm lễ tế cờ, rồi ra quân.

Em Cai Vàng là Đề Tụy làm tiên phong, một đạo binh có đủ gươm giáo, súng ống. Cai Vàng nổi lên cướp phá tỉnh Bắc-giang và các miền phụ cận, đi đến đâu cũng cấm quân không được sách-nhiễu, cốt lấy lòng dân để mưu đồ vương-nghiệp.

Sau khi chiếm đóng phủ Lạng-giang, Cai Vàng dùng thuyền qua sông, kéo về Bắc-ninh, về đóng ở làng Đình-bảng (thuộc phủ Từ-sơn) và định phạm vào tỉnh Hà nội.

Khi ấy, một đạo binh ở tỉnh Bắc ninh tiến sang và một đạo binh ở Hanoi tiếp ứng, Cai Vàng gặp binh triều đình mạnh quá, chống không nổi, thủ hạ tan vỡ, bị tử trận tại đình làng Nhồi (Đình-bảng) vào ngày 30 tháng tám năm Tự-đức thứ 15 (1862).

Còn truyền-thuyết về vợ lẽ thứ ba Cai Vàng mà những người hát rong vẫn hát và có sách chép chỉ là một chuyện đặt ra thôi (3).

Sự thực Cai Vàng có tất cả ba vợ: Vợ cả tên là thị Nội được ba giai, một gái, hiện nay con cháu hãy còn; hai người vợ kia không có con. Một trong ba người vợ ấy mất từ khi Cai Vàng chưa khởi nghịch, còn hai người kia vẫn ở làng.

Trong khi làm giặc, đánh phá mọi nơi, Cai Vàng có lấy thêm một người thiếp đem theo, nhưng thực thì người ấy cũng không giỏi võ nghệ và cũng không có dự gì vào công việc chiến trận.

Từ năm Tự-đức thứ 15 (1862) đến nay, cách nhau ngót 80 năm, chưa được một thế-kỷ mà câu chuyện đã sai lạc cả, truyền thuyết sai, chép sách sai, không biết ngoài trăm năm còn sai đến thế nào ! Khó thay, ngòi bút của nhà sử-học. TIÊN-ĐÀM

1) *Đại-nam thực lục chính biên đệ tứ kỷ*, quyển 26, tờ 16,

(2) Ô. Sở-cuồng Lê-Dư cho là vì làm chánh-tổng Hoàng vân nên gọi là Cai Vàng xem *Nam quốc nữ-lưu*),

(3) Xin coi *Nam quốc nữ lưu* của *Sở cuồng Lê-Dư và Cai-vàng truyện của Nguyễn Xuân-ngọc đã xuất bản cách đây vài năm.*

Đón coi :

Mấy bài thi-ca tàu dịch của một văn nhân vô-danh
của Thúc-ngọc Trần văn-Giáp

Mến thờ Mai-công Hương với một chữ lầm của cụ Phan thanh - Giản
của Lê thọ-Xuân

Phê-bình « Nguyễn trường-Tộ »
Kiều thanh-Quế

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 6

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XIV

Cung-oán

Thợ giời thêu-dệt khéo ghê đường !
Dan-dẩy hồng-nhan sự lạ nhường.
Điện Hán há rằng phai nhạt phấn,
Cung Đường nỡ để thẹn-thùng gương !

Lò chăn thủy-vũ năm canh gió,
Dầm gối san-hồ một vết sương.
Chỉ thiết nỗi mình nên thắc-mắc,
Thuyền-quyên nông-nổi phận lạ thường !

∴

Kẽo-quẹt ngại thay một chữ tình !
Thôi đừng dở-dói lại buồn tênh !
Ngâm rầu-rĩ để cùng đua tiếng,
Mặt ủ-ê loan khéo dạm hình.
Hoa đặm rầu chiều kề trước sổ,
Nguyệt mơ-màng vẻ xế bên mành.
Đài dương bao nỡ hơi xuân bén,
Đừng để riêng ai chịu bất-bình.

∴

Hin-hắt chồi ngô đã xế mành,
Lòng sầu thấy cảnh nhẫng bao đành !
Nguồn ân chẳng tố mà hao cạn,
Bể thảm không dầm cũng nổi-nênh.
Hương đốt hồn hoa quanh vẫn khói,
Gương giơ trâm ngọc đạp lay doành,
Chín lần ví thấu nguồn cơn ấy,
Thì cũng nên thương kẻ hữu tình.

∴

Lầu-đềnh làm chi đám cửa quyền ?
Canh thâu trằn-trọc luống cô-miên !
Rèm hoa tơi-tả vài chồi liễu,
Trướng gấm êm mềm chiếc gối uyên.
Nung đúc lửa Tương lò thái-ất,
Long-lanh giọt lệ lạch đào-nguyên.
Cung Đường rầu-rĩ là nhường ấy,
Nghĩ mãi thêm đeo nặng gánh phiền !

∴

Gượng mặt sầu lên gọi đứa hầu,
Văn-phòng chắp-chảnh một đôi câu.
Nghiên chưa mở đã mềm lòng đá,
Mực thoắt mài thôi lẫn giọt châu.
Bút chép chữ chân ra chữ thảo,
Giấy để thơ cảnh hóa thơ sầu !
Cũng mong mượn thế làm khuây-khỏa,
Dẫu thế mà khuây-khỏa được đâu !

∴

Cuốn bức khăn là nước mắt đầy,
Nỗi riêng mình lại một mình hay !
Con chim bạt gió ngâm sầu đỡ,
Chiếc nhạn kinh sương nặng tất dày.
Giời bốn mùa, thu hoa ủ mặt,
Rèm năm canh, nguyệt liễu tan mày.
Nỗi-niềm thắc-mắc chi cho bận,
Cung Quảng kìa ai cũng thế này !

∴

Đóa hoa phô nhị giọt sương gieo,
Ngẫm phận hồng-nhan có khác nào.
Hoa nở hang sâu hoa gác tía,
Giọt sa bể Sở giọt ngôi Tàu.
Mới hay lừng-lẫy vì duyên thắm,
Đừng có khoe-khoang những má đào !
Nhắn hỏi mấy người phen chuyện cũ,
Rằng xưa Vương-thị những làm sao ?

∴

Dù tươi dù ủ, phận âu là,
Nghĩ đức sinh-thành luống xót-xa !
Châu quế tháng ngày thôi thế ấy,
Ngọt bùi khuya sớm biết bao-la !
Sum-vầy khôn ước ngày con trẻ,
Chua-xót thêm phiền dạ kẻ già !
Cay đắng bấy nào tay tạo-hóa,
Muốn lên đến đấy gọi cho ra !

∴

Điện phong cao thẳm thấu cùng chăng,
Cung Quảng sao riêng phụ ả Hằng ?
Bức lạnh lầu trang sương đóng vàng,
Mây giăng non Thục gến khuây chừng.
Lò chăn thúy màu thôi quyện,
Thấm khăn là nước mắt ngừng.
Phận nổi lênh-đênh bao xiết kể,
Ví xây sầu nọ ắt nên từng !

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 296, tờ 4b-7b) (1).

XV

Mẹ ơi, con muốn lấy chồng (2)

(Hạn vần : *Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao !*)

Tình mẹ có hay ? Nghĩ cơn không dại, phải kén tấm chồng, mới yên phận gái ; đẹp lòng kia gặp gỡ là nên, thuận ý nọ lứa đôi cũng phải. Mẹ suy bụng mẹ, sao yên gia-thất mới đành ; con nghĩ lòng con, cũng muốn cơ-đồ được thỏa.

Tưởng như con nay, gặp khi sen ngó, đương thuở đào tơ, kề bậc phong-lưu yếm thắm gải đào chi tha-thướt, cũng thời trang-điểm môi son má phấn chi nhởn-nhơ. In màu bồ-liễu chi xuân, đêm ngày gìn-giữ, hé cửa động đào chi nguyệt, năm-tháng đợi-chờ, bởi ai chềnh mảng, nên kẻ hẳng-hờ ? Tin yến đưa thoi, thấp-thoáng bóng câu chi ruổi, khúc hoàng lọt tiếng, bâng-khuâng hồn bướm chi mơ. Chỉn e điều voi cái chi cười, thiệt công mà dại, những gìn tiếng chó con chi trách, thấy của liền vơ.

Thưa con nghĩ thế, xin mẹ nghe ra, cũng đôi chúng bạn, cũng một lứa nhà, người sao đã có, mình vẫn không mà ? Chẳng thanh tĩnh tu đà thành Phật, dẫu chính-chuyên thác cũng ra ma. Sao kia còn có bà Ngâu, sông Ngân đợi bắc cầu qua bến, giăng nọ vẫn nuôi chú cuội, cánh mây khép kín cửa trong nhà ? Xem vật loại cũng ở trong khuôn giời đất, ngẫm chuyện mà để ngắm sự người ta, có hơi biết mùi đời chi hương-phấn, lại càng nồng sắc nước chi nguyệt-hoa.

Mừng thuở gặp thời, tơ liễu chi chừng đôi tám, sợ khi quá lứa, quả mai chi rụng bảy ba.

(1) Như trước đã nói, những bài thơ cổ trích ở quyển *Quốc âm thi-ca* chưa có ai chép ra quốc ngữ.

Dẫu bèn dẫu sang, may có kẻ yêu chi phận gái; ép dầu ép mỡ, xưa kia ai cấm chi duyên bà? Xin mẹ bằng lòng cho con vững dạ; muốn cho gai hiền, lấy được rể khá, những mong là sửa túi nâng khăn, nào thấy có gieo cầu ném quả; bẹn mười bẹn chín, mấy mặt thấy đâu, ngày một ngày hai, những lòng rắp đã. Nhớ sông Hàn rong chơi hợp mặt, ngắm xem phận gái, vẻ-vang chi rồng đã có mây, tưởng bến Tần vui thú dăng tay, trông thấy chị em, sực nức chi lan nhường bén xạ.

Nghĩ ăn chẳng ngon, nghĩ nằm chẳng ngủ, đêm những ngậm-ngùi, chán lược biếng chải, chán gương biếng soi, ngày càng buồn bã! Lòng bác mẹ mong giăng tròn hoa nở, nỗi u-tình biết tỏ với ai hay, tình chị em yêu áo xẻ cơm nhường, của vưu vật có nhẽ đâu người dỡ, ngao-ngán nỗi long đanh chi phẩn, trót buộc tay dám ngỏ người hay, sung-sướng thay đầy thóc chi bồ, biết no bụng nào nhường kẻ lỡ.

Vậy nên con muốn bằng chị bằng em, có đôi có lứa, nhẽ chịu đâu ở mả chi mèo lành, tính cũng muốn húc sào chi dê sữa. Chớ ỏe-hoẹ bà già chi lên mặt, những kén cá chọn canh, để dở-dang con trẻ chi ngang lòng, thôi lại già lừa đẻ ngựa! Không trách kẻ nương dâu chi đứng, nghĩ như kẻ ấy lại thêm buồn, cũng thấy ai bụi ráy chi ngồi, có bận ai đâu mà lại ngứa?

Mẹ vẫn nghe mười voi không bát xáo, chờ những lúc gối quì tay hiếm, lâu ngày tính khổ chịu sao, con dại nghĩ trăm lợn cũng một lòng, e những khi lửa bén gần rơm, một giờ dễ hay giữ cửa. Con vẫn biết giai khôn trăm nết, gái dại bảy nghề, xuân-tâm chợt động, xuân-sự chớ hề, vẫn gối phượng chăn loan chi chờ đợi, nào tin ong sứ bướm chi đi về.

Đã hay rằng sớm mận tối đào, cớ sao kẻ dài mỏ chi rì rào, dẫu rằng có nụ cà hoa mướp, khéo những người nỏ miệng chi gớm ghê! Thôi mẹ đừng cấm chợ ngăn sông, xá quản người đời chi mai mỉa, để con liệu nhổ sào qua bến, tha hồ miệng thế chi cười chê. Phương chi giời đã định người có thì, mẹ cũng mong con được sớm, hễ lấy đừng chê, hễ chê đừng lấy, khỏi mang già kén chi cười; sao nên chẳng gặp, sao gặp chẳng nên, lại phải miệng đời chi nhảm."

Đã lắm lúc bực mình chi chê đẻ, vì đường kinh kỷ loay khoay, cũng đã nhiều phen sạn mặt chi đá trơ, không nhẽ quyền nghi chút tạm. Phỏng như lúc tơ tơ chi con gái, thoảng trông người cũng đã yêu, ngộ theo sau sòng sọc chi cái già, nhác thấy ai mà chẳng gớm?

Thôi thì đẹp duyên thì lấy, có đâu đồi chác chi cỏ rau, hẳn là phải kiếp thì theo, xá quản tầm thường chi tấm cám. Vậy có thơ rằng:

Nhân duyên giời chửa định nơi nao,
Nông nỗi con nay mẹ tính sao?
Con muốn lấy chồng con lại sớm,
Kẻo người lấy hết trồng mông gào!

— Mẹ già nghe nói, khuyên con ngọt ngào: « Hễ nhà có gái, lắm kẻ ra vào; biết đâu là duyên ưa lá thắm, để mong cho phận đẹp má đào; vội chi mà vội, bao giờ thì bao. Cũng mặc ai chỉ Tấn tơ Tần, cứ giữ lấy mình vàng giá ngọc, cho đáng kẻ chồng loan vợ phượng; lọ là nên chào khách bán rao. Há lọ đâu có ế chi chồng: giỗ muộn càng nhiều quả chắc, cũng nên nghĩ đương xuân chi gái, ngọc lành bãy đợi giá cao. (Theo quyển *Quốc văn tùng ký* sách viết bằng chữ nôm của Bác cổ, số A B 383, quyển hạ, tờ 24 b-27 a)

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thống chế Pétain đã nói:

« Lòng đã hứa lòng. Bản chức không chịu biết trong nước pháp có chánh đảng và giai cấp. Bản chức mời mọi người hãy trút hết cái ý nghĩa về chức ngạch hủ bại thành kiến ích kỷ, thù hằn, hiềm nghi và nay bản chức hô hào phải kết thành đoàn thể người Pháp cương quyết với sự chống giữ đất nước, dân tộc ».

(1) Trường Bác cổ có ba bài *Mẹ ơi con muốn lấy chồng*: một bài văn sách sao trong quyển *Đại nam quốc âm ca khúc* (bản viết của Bác cổ đề là của « Thượng thư Nguyễn-công-Trứ soạn » số a b 146 tờ 111 b-113 a) một bài kinh nghĩa của ông Lê quí-Đôn, sao trong quyển *Quốc văn tùng ký* (số sách a b 383, quyển hạ, tờ 16b-18 a) và một bài phú cũng sao trong *Quốc văn tùng ký* quyển hạ, tờ 24 b-27 a). Bài chép ở trên là bài phú, hiện chưa có ai diễn ra quốc ngữ, bài văn sách cũng vậy, chưa ai đem ra in, có lẽ tại hơi tục. Bài kinh nghĩa thì ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã in phụ vào quyển *Cung oán ngâm khúc* từ năm 1911; tôi có đem ra so với bản nôm của Bác cổ cũng thấy khác có vài chữ như sau này: Trang 28, ông Vĩnh chép là: « Con nghĩ rằng: Thoi đưa thấm thoát, người ta như có lứa chi măng»; bản chữ nôm của Bác cổ viết là: « Con tưởng rằng: Thoi đưa thấm thoát, người ta như có lứa chi hoa ». Trang 30 ông Vĩnh chép là: « Mẹ chẳng xem, miền đông lân kẻ nọ chi nghênh thế, làng bắc lý người kia chi tống nữ»; bản chữ nôm của Bác cổ chép là « vùng bắc lý » có lẽ đúng hơn vì chữ « lý » đã là « làng » nếu viết là « làng bắc lý » thì hơi trùng.

Nhà Học-Xá Hanoi dựng lên cho tất cả các xứ ở Đông-Pháp tương tự như nhà Học-Xá Paris dựng lên cho tất cả các phần tử của đế-quốc Pháp.

Ta nên quyên cho công-cuộc dựng Học-xá.

Tiền quyên xin gửi cho hội-đồng hạt Bắc-Kỳ (Văn-phòng quan Thống-Sứ hay là Đông-Pháp Ngân-hàng, Trướng mục (Compte) "N° 55,964 Học-Xá")

TÙY HỨNG

Trưng nữ-vương

Ba năm hùng cứ trời Giao-chỉ,
Muôn thủa lưu danh đất Lạc-hồng.
Nửa gánh sơn-hà em với chị;
Một lòng oán-hận nước như chồng.
Cột đồng Đông-hán còn hay mất?
Nước bạc Tây-hồ vẫn có trong.
Đánh dấu sử xanh bằng má đỏ:
Cho hay khăn-yếm cũng anh-hùng.

ĐÁI ĐỨC-TUẤN

Tiết-phụ ngâm

(Nguyên văn chữ hán của Trương-Tịch)

Quân tri thiếp hữu phu,
Tặng thiếp song minh châu.
Cảm quân triền miên ý,
Hệ tại hồng la nhu.
Thiếp gia cao-lâu liên uyển khởi,
Lương nhân trấp kích Minh-quang lý.
Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,
Sự phu thệ nghĩ đồng sinh-tử.
Hoàn quân minh châu, song lệ thùy,
Hận bất tương phùng vị giá thì.

DỊCH:

Chàng biết em có chồng,
Tặng em đôi ngọc trong.
Cảm lòng ai quyến luyến,
Đeo trong yếm lụa hồng.
Lầu cao em ở bên vườn ngự,
Chồng em trấp kích đền Minh-quang.
Thờ chồng thề đã cùng sinh tử,
Lòng chàng vâng biết sáng như gương.
Trả lại ngọc châu, em giỏ lệ,
Giận khi chưa cưới, không gặp chàng!

TÂM-HƯƠNG dịch

Vịnh hòn non bộ

Khen ai khéo tạc cảnh con con,
Đủ cả sơn-thôn, đủ cả côn.
Cỏ thụ răm cây vờn mặt nước,
Sương-bồ mấy khóm nép sườn non.
Ngư-ông đợi cá lưng không mỏi,
Mục-tử rong trâu gối chẳng chồn.
Nắng giãi, mưa dầu từng mấy độ,
Trơ trơ đá núi vẫn chưa mòn.

VÂN-THẠCH

Những tâm hồn nghèo

Cằn cỗi quá! những tâm-hồn nghèo xác,
Như những nhà vách nát với tường xiêu,
Mái hở tung mặc gió sớm, mặc mưa chiều
Trong rỗng tuếch đượm vẻ buồn man-mác

Cằn-cỗi quá! những tâm-hồn nghèo xác
Như những cây ngơ ngác dưới trời đông
Chẳng yêu đương cũng chẳng dám mơ-mòng,
Chỉ rên-rỉ và kêu trời tàn ác!

Cằn-cỗi quá! những tâm-hồn nghèo xác
Đi thẫn-thờ như mây lạc bơ-vơ,
Chỉ tìm nơi nương tựa với nằm nhờ
Và run-rẩy giữa bầu trời bát-ngát!

Cằn-cỗi quá! những tâm-hồn nghèo-xác
Chẳng bao giờ ca-hát với say-sưa,
Mặc tháng ngày trôi chẳng dám hững-hờ
Khô-khan sống như đi trong sa-mạc...

(Trích trongcuốn Nhạc thiên-nhiên)

LETAO

Thử viết Số 14

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

TIẾT HAI

ĐỖ PHÁP-THUẬN (914-990)

TỪ BÉ được nung-đúc trong lò Phật-giáo, rồi ghé một vai vào việc xã-hội, phất cờ trên đàn văn, làm kinh rợn Lý-Giác, sứ Tàu, để quảng-cáo cho cái tên Đại-Cồ-Việt khi mới tô màu lại làm một quốc-gia độc-lập trên bản đồ cõi Á-Đông: ấy là họ Đỗ hiệu Pháp-Thuận thiền-sư, nhiều người thường kêu là Sư Thuận.

Học rộng, thơ hay, ông là người có tài kinh-luân và sáng việc thời-thế. Xuất gia từ thủa thơ-ấu, làm đồ-đệ sư Phù-Trì, Pháp Thuận tu ở chùa Cổ-sơn.

Khi Lê mới sáng nghiệp, chính ông góp nhiều công vào việc kiến-thiết.

Chỉ thích làm một tên dân trong đời thái-bình, ông từ-chối hết các món phong thưởng, tỏ mình là người cao-thượng, không màng một mảy phú quí, vinh hoa. Trước cái thái-độ thanh-cao đó của ông, vua Lê Đại-Hành rất kính trọng: thường kêu ông là Đỗ pháp-sư, chứ không gọi tên.

Theo gương cần khổ của đức Thế-Tôn, ông dẫu gửi mình am mây, song vẫn vui lòng gánh-vác việc nước: giúp quốc-gia về mặt văn-hàn.

Năm Thiên-phúc thứ 7 (987), ông tạm thay cà-sa, xúng-xính trong bộ áo anh lại ở bến sông, đóng vai tiếp sứ Tống.

Nguyên bấy giờ vua Lê Đại-Hành mới hát bài đại thắng ở Chi-lăng, không khỏi in một vết căm-hờn trong con mắt nhà Tống. Nay nhân dịp Lý-Giác, sứ Tống, sang chơi, ngài muốn thị uy với Tàu về mặt văn-học cũng như khi tiếp sứ-bộ Tống-Cảo và Vương Thế-Tắc thì kéo cờ, dàn quân khắp nơi núi hang để dương oai về mặt võ-bị. Thế thì người gánh trách-nhậm tiếp sứ-bộ Lý-Giác bấy giờ tất phải là tay văn-học rất lỗi-lạc mới mong làm trọn công-việc ngoại-giao, khỏi mất quốc-thể.

Pháp-Thuận quả làm xứng-đáng chức-vụ, khiến cho sứ Tàu phải khen phục lắm.

Khi vua Lê Đại-Hành hỏi về vận nước dài, ngắn thế nào, ông có đáp lại bằng một bài thơ chữ hán đầy vẻ huyền-bí, đại ý nói: « Tộ-vận nước nhà như sợi giây mây. Dưới gầm trời Nam được sống trong cảnh thái-bình. Nhà vua ung-dung vô vi, ngự nơi đền-các, chốn ấy chốn khác đều tắt binh-đao ». (1)

Năm Hưng-thống thứ 2 (990) đời Lê Đại-Hành, ông mất, thọ 76 tuổi. Ông có làm được quyển « Bồ-tát hiệu sám-hối văn » Ta nay dẫu không được hân-hạnh đọc sách đó là một tác phẩm trước nhất bằng chữ hán của người Việt-nam, song cứ coi tên sách đủ biết nó là một thứ Thiền-thư chuyên khuyên người ăn-năn điều lỗi, thực tiễn tu-hành để thành chính quả Bồ-tát.

Sử cũ và bộ *Thiền-uyển tập-anh* còn chép Đỗ Pháp-Thuận có hai câu *«Bạch mao phô lục thủy, Hồng trạo bãi thanh ba »* nối vần hai câu thơ của sứ nhà Tống *«Nga nga lưỡng nga nga, Ngưỡng diện hướng thiên ca »*. Song tôi còn ngờ, nên chưa dám liệt vào thơ của ông.

TIẾT BA

NGÔ CHÂN-LƯU (959—1011)

Cái tên Ngô Chân-Lưu với chức Khuông Việt thái-sư do vua Đinh phong cho, các bạn đã đọc Nam-sử hẳn không còn lạ.

Ngô Chân-Lưu, người Cát-lợi, theo học nho từ thủa bé.

Người khôi-ngô, đẹp-đẽ, ông ôm chí thẳng-thích, không chịu bó buộc theo lề-lối thường.

Lớn lên, xoay theo Thiền, ông thụ giới nơi Phong-vân thiền-sư ở chùa Khai-quốc thành Đại-la (Hà-nội) Từ đó, xem rộng sách Phật, sâu ngộ yếu-chí đạo Thiền.

Tuổi mới 40, thanh danh ông đã nổi cao theo đạo pháp. Mỗi khi vua Đinh Tiên-Hoàng vời vào bàn hỏi, ông ứng-đối rất vừa ý ngài. Vì vậy, ông được ngài phong một cái tước lớn như đã nói trên. « Khuông Việt » nghĩa là « giúp nước Việt »: chắc thái-sư họ Ngô bấy giờ có nhiều công lớn trong việc khuông-phò quốc-gia.

Lê lên. Ông là người được trọng đãi nhất trong con mắt vua Đại-Hành. Phàm các việc quân quốc trọng đại đều có ông dự vào cả. Chính ông phải giữ việc văn-mặc, giao-thiệp với sứ Tàu.

Khi Lý-Giác trở về Tống, ông có tiễn sứ-giả một bài khúc bằng chữ hán để tỏ tình thân thiện giữa hai nước Bắc, Nam:

Nguyên - văn

Tường phong hòa - hảo, cầm phàm trương !
Dao vọng thần-tiên phục Đế-hương.
Vạn trùng sơn thủy phiếm Thương-lang. (2)
Cửu thiên qui lộ trường...
Tình thảm-thiết,
Đối ly trường !
Phan luyến sứ tinh lang ..
Nguyện tương thâm ý khán biên- cương (3):
Phân-minh báo (4) ngã hoàng !

Dịch

Gió lành xuôi thổi, cánh buồm dương !
Xa ngóng thần-tiên, chốn Đế-hương...
Muôn trùng non nước chèo sông Thương,
Chín trời về đường đường...
Chén ly-biệt,
Tình thảm thương !
Nhìn cờ sứ : nhớ-nhung chàng !
Mấy nhời nhắn-dủ cùng quân thượng :
Săn-sóc chốn biên-cương !

Vì bài thơ này của ông, An-nam, một nước mới tổ-chức ở đời bấy giờ, được nổi tiếng là nước văn-hiến đối với người Tống.

Khi già, ông xin về ở quận nhà: mến cảnh Hí-sơn, dựng chùa để trụ-trì tại đó. Khao khát tiếng ông, người ta theo học đông lắm.

Chịu ảnh-hưởng Phật-học, thơ ông nay còn sót lại vài vần (5), chỉ là tiếng vang của môn triết-lý đó. Ý-tứ thì phiêu-diểu như mấy tiếng chuông chùa lúc canh khuya; lời văn thì mộc-mạc cũ-kỹ như pho tượng cổ ngồi dưới mái chùa hoang-phế.

Ông mất ngày 15, tháng 2 năm Lý Thuận-thiên thứ hai (1011), thọ 52 tuổi (6).

TIẾT BỐN

BỨC THƯ NGOẠI-GIAO CỦA ĐỜI TIỀN LÊ

Hồi Đinh, Lê độc lập, ta học hán-văn đã tấn-tới lắm rồi.

Xem như khi sứ bộ nhà Tống là bọn Tống-Cảo sang ta vào khoảng năm 989, đã thấy ở cửa phủ thự đời Tiền Lê có đề mấy chữ: *« Minh đức môn »*, thì đủ biết trình-độ hán-học của nước ta, cách nay độ một nghìn năm, đã cao là dường nào.

Lại xem như mấy vần thơ dẫn trên, đủ biết văn tài của các ông Đỗ Pháp-Thuận, Ngô-Chân-Lưu chẳng kém gì những tay danh sĩ Tàu. Nhưng đó mới là một vài câu thơ làm tiêu-biểu cho lối văn vần ở đời ấy.

Nay nhân bức thư nhà Tiền Lê giao thiệp với Tống, ta thấy Việt-nam bấy giờ cũng đã nhập cảng được lối văn biền ngẫu rồi. Phải, ở Tàu, đời Tống, lối văn tứ lục rất thịnh hành, thế nào chẳng theo ngọn sóng biền Đông tràn vào mảnh đất Đại-Cồ-Việt.

Năm Thiên-phúc nguyên niên (980), vua Lê-Đại-Hành có sai các ông Giang-Cự-Vọng, Vương-Thiệu-Tộ đem bức thư, giả làm lời của Vệ-vương Toàn (con vua Đinh-Tiên-Hoàng), sang Tống để cầu nối ngôi.

Trong thư đại ý nói: Trước đây, vua Đinh-Tiên-Hoàng và ông Liễn đã được nhà Tống giúp-đỡ, vẫn cần-thận giữ yên bờ-cõi, không dám ngang trái điều gì. Chẳng dè cái công đánh đông dẹp bắc chưa được đền-bù, thình-lình đã xảy đến cái nạn sinh tử biệt ly khiến phải bùi-ngùi vì cảnh đời người như giọt sương buổi sớm! Nay vì tình thế ép-buộc, quân dân vật-nài, ông Toàn xin quyền làm Tiết-độ, giữ việc quân-sự và cai-trị xứ này. Vậy xin nhà Tống phong cho nối ngôi để tỏ cái ân-điển diên thưởng của triều-đại Tống và yên-ủi tấm lòng tận trung của ông (7).

Văn viết tuy có nhiều câu đối nhau theo lối biền ngẫu, như:

Chưa hết cái nhọc ngựa đo mồ hôi,
Đã xảy nỗi buồn cuộc đời sương sớm (Dịch).

Và

.... Cùng đến trong khoảng nấm mồ,
Xin quyền công việc quân quốc. (Dịch).

Song lời văn hãy còn mộc mạc chứ chưa màu mỡ, văn hoa, bóng bẩy như đời sau.

(Còn nữa)

---

1) Nguyên văn chữ hán như vậy:
« Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái-bình.
Vô vi, cư điện các:
Xứ xứ tức đao binh. »

Dịch ra thơ ta:

Dỗi nước như giây mây,
Trời Nam thái-bình đây.
Ung-dung ngồi đền các,
Binh đao tắt hết ngay.

2) Có bản chép là: *« Thiên trùng vạn lý thiệp Thương lang »*.

3) Hoặc *« Nam phương »*.

4) Hoặc *« Tấu »*.

5) Như câu: *« Thủy chung vô vật diệu hư không. Hội đắc chân-như, thể tự đồng! »* (Đáp ông Đa-Bảo hỏi thế nào là đầu và cuối đạo Phật).

Và bài:

Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Nguyên hỏa phục hoàn sinh.
Nhược vị bản vô hỏa,
Toàn Tạng hà do manh?

6) Có bản nói là thọ 79 tuổi.

7) Nguyên văn chữ hán có in trong *« Đại Việt sử ký toàn thư, nội kỷ »* và dẫn trong mục *« Bang giao chí »* sách *« Lịch triều hiến chương »* v.v.

Xét nguyên-ủy câu:

« Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi »

Trong Tri Tân số 19, bạn Sùng Thanh có bài « Tục-ngữ, ca-dao về ngày kỵ vua Lê Thái-Tổ », vì chú trọng về ngày giỗ đức Lê Lợi, nên mới lược bỏ việc ông Lê Lai. Nay ông Hương Sắc «nhân dịp đi chiêm ngưỡng lăng vua Lê Thái-Tổ và thăm làng Lam sơn, được ông lý làng Lam sơn, một trang sinh ở đoàn Võ Tánh, Thanh-hóa, cho xem bộ Lam Sơn Thực Lục *chép về việc 10 năm bình Minh ». Ông Hương Sắc bèn nhặt lượm tài liệu trong bộ sách ấy mà viết bài sau đây nói thêm về chuyện Lê Lai. Vậy bản chí xin lục đăng để hiến các bạn đọc thân yêu thích nghiên cứu về ca-dao và quốc-sử.*

T. T.

MƯỢN tiếng hưng Trần, diệt Hồ, quân Minh chiếm-cứ đất đai Nam-việt. Lòng người oán-thán.

Lê Lợi, người Lam-sơn, ngấm ngầm thu dụng nhân tài, chiêu tập binh-sĩ. Năm 1418, thấy lòng người ghét quân Tàu đến cực-điểm, ngài bèn dựng cờ nghĩa, đuổi quân Minh.

Buổi đầu quân chưa quen chinh-chiến, nên thường phải nếm « mùi » thất bại, bao lần gian-nan khổ-sở!

Một hôm, sau một trận kịch-chiến, quân bị tan-tác, ngài bĩ thế, cùng ít tàn quân, lui về Linh-sơn, nơi trú chân của ngài mấy lần nguy-khốn trước. Song lần này, quân Tàu định bắt cho kỳ được, nên vây kỹ lắm. Tình-thế vô cùng nguy ngập: quân một ngày một mòn, lương mỗi bữa mỗi can; thoát ra cực khó mà thủ hiểm cũng chẳng hơn gì! Bình-định-vương hội tướng-tá lại, bàn tính một mưu cuối-cùng: Dốc toàn lực ra tử chiến một dịp, thoát được càng hay, bằng không, da ngựa bọc thây cũng hả.

Nhưng Lê Lai, tên chính là Nguyễn-Thận, (vì muốn che mắt quân Tàu trước khi khởi nghĩa, nhiều người, theo lệnh của đức Lê Lợi, đã đổi tên và cải theo họ Lê), tiến lên, cất giọng run-run, nén sự cảm-động, tâu: « Thân vương là trọng, cả nước muôn mắt trông một, vì bằng mất đi, thì lòng người xao-xuyến, sao đuổi cho được lũ người Minh ra khỏi bờ cõi? Lai này xin tự hiến thân, trá hình làm minh-chủ, may ra đánh lừa được bọn chúng nó ».

Thấy kế phải, Lê Lợi chịu theo và cảm động vì lòng hi-sinh của Lê Lai, gạt nước mắt, rút gươm vạch xuống đất mà rằng: « Sau này dẫu thành hay bại, ngươi sẽ được *tiên-hưởng* ».

Hai người trao đổi y-phục cho nhau, rồi Lê Lợi cùng với ít tùy-tòng, đổi dạng làm tiểu phu, men đường hẻm, tìm cách trút xuống sau núi. Trong khi đó, Lê Lai mang cờ lệnh, uy nghi nhảy lên ngựa, thúc quân lính quyết một trận sinh tử.

Quân Minh thấy quân vua Lê liều chết chực phá vây, tưởng Lê Lai là Lê Lợi, liền trút cả quân vây vào một mặt để săn cho kỳ được. Nhờ thế Lê Lợi mới lần trốn thoát.

Cầm chắc cái chết ở trong tay, Lê Lai và quân Nam liều đánh rất hăng, cố dằng dai giữ cho được lâu và xô quân Tàu về phía mặt trước núi. Quân Minh thiệt hại khá nhiều.

Song sức người có hạn, Lê Lai yếu lần lần và cuối cùng, bị một vết thương nặng vào sườn, ngã ngựa, vội quay mũi kiếm thích vào cổ mà tự tử, cạnh con ngựa phục vị xuống vì mệt, mình đẫm máu.

Lê Lai chết! nhưng Lê Lợi đã chạy thoát, và chấn-chỉnh lại binh-bị, đánh bại quân Tàu, vây khốn Vương Thông, đánh lui Mộc Thạnh, chém chết Liễu Thăng, thu phục lại sơn hà và lên ngôi cửu ngũ.

Công thành, vua Lê Thái Tổ không quên vị tướng đã liều thân để cứu mình xưa, mới truy tặng Lê Lai và định rằng sau này, khi ngài mất đi, trước hôm giỗ, phải cúng Lê Lai đã, đúng như câu *tiên-hưởng* đã nói trên Linh-sơn.

Ngày 22, tháng 8, niên-hiệu Thuận-thiên thứ sáu, 1433, Lê Thái-Tổ băng.

Theo lời dặn trước, các vua kế vị cứ mỗi lần kỵ Thái-Tổ vào hôm 22 thì 21 phải cúng Lê Lai đã.

Theo lẽ ấy, ở dân-gian mới có câu « *Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi* » như ông Sùng Thanh đã viết. Hiện nay ở làng Lam sơn vẫn còn lệ này.

HƯƠNG-SẮC

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Hôm 29 Novembre 1941, hồi 20 giờ 45, có một tiếng nổ lớn tại nhà số 26 đường Lagrandin, cạnh Lãnh-sự quán Hoa kỳ ở Saigon. Không ai việc gì.

Đuốc thể thao đã từ Tuy-hòa đến Qui nhơn.

Tại trường Đại học phố Bobillot Hanoi, đã làm lễ phát bằng cho 12 viên tri-huyện tân khoa.

30 Novembre 1941, Hội-chợ Hanoi khai-mạc.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ vừa đi kinh-lý Lạng sơn để xét nhiều vấn-đề về việc trị-an biên-giới.

QUỐC-TẾ

Các tàu chiến Mỹ ở sông Dương-tử sắp kéo cả sang Phi luật tân để nhập vào hạm đội Mỹ ở Á-đông.

Anh sắp phái một chiếc thiết-giáp-hạm lớn sang Tân gia ba.

Kiều dân Anh ở Viễn đông được lệnh trữ lương ăn trong bốn tháng.

Nhật mới phái một chiếc tàu nữa sang Mỹ để đón kiều-dân.

Đại sứ Nhật ở Xiêm đã vào thăm thủ tướng Xiêm để bàn về vấn đề có quan hệ tới 2 nước.

Từ bán-đảo Crimée đến miền núi Caucase (1)

NHẬT-NHAM

BÁN-ĐẢO Crimée là một giọi đất mền Nam-Nga chạy thẳng xuống Hắc-hải và nối liền với lục-địa do eo đất Pérékop rộng 8 cây-số.

Nhờ có địa-thế hiểm-ách lại gần các miền phì-nhiêu, nên từ lâu Crimée vẫn giữ một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế.

Từ 1812, sau khi Hoàng-đế Nã-phá-luân rút quân khỏi đất Nga, Nga-hoàng Alexandre 1er kiến-thiết lại nền-tảng quốc-gia, khôi-phục lại cuộc thống-trị, bành-trướng thế-lực ra ngoài cõi và uy-hiếp các nước lân-bang. Nga lập lại Sébastopol, đô-thành Crimée, nhiều xưởng chế-tạo chiến-cụ, mục đích định tiến quân công-kích Constantinople là thủ-đô nước Thổ-nhĩ-kỳ.

Tháng mars 1854, khởi cuộc binh đao. Thổ có Anh và Pháp giúp-đỡ, cùng Nga chiến-đấu trên đất Crimée. Đô-thành Sébastopol bị quân Anh-Pháp-Thổ vây hãm... Sau khi chiến-lũy Malakoff bị phá hủy, quân Nga đốt phá các cơ-quan quân-sự, các lâu-đài dinh-thự, rồi giữa đêm rút ra khỏi trùng-vi (mars 1856).

Hòa-ước Paris kết-liễu cuộc chiến tranh Crimée. Nga-hoàng phải nhường cho Đồng-minh xứ Bessarabie và trọng nền hòa-bình của Thổ-nhĩ-kỳ.

Gần đây, ngọn lửa chiến-tranh lại lan sang bán đảo Crimée. Đức tấn công vào các thị-trấn rất mãnh-liệt, muốn mau chiếm được địa-lợi để lấy đường kéo quân sang đánh miền Caucase. Lần lượt các thành-trì bị hạ một cách dễ-dàng, duy Kertch và Sébastopol đã làm cho Đức tổn hại rất nhiều.

Kertch là một quân cảng trên eo bể thông Hắc-hải với bể Azov, có nhiều cơ-quan phòng-thủ trên miền duyên-hải, lại có một bức trường thành bằng núi bao bọc. Kertch có 180 nghìn người, có nhiều xưởng sản-xuất chiến-cụ, nhiều mỏ sắt đã giúp miền này được phồn-thịnh.

Vì Kertch địa-thế thuận-lợi, cách miền Caucase có một eo bể, nên Đức đã chịu hy sinh bao sinh mệnh và chiến-cụ mới chiếm được.

Bộ Tư-lệnh Nga đã từng lo quân Đức do hải-khẩu Kertch qua eo bể sang đánh miền Caucase, nên hết sức đề-phòng.

Thống-chế Timochenko đem quân tới miền bắc Caucase, lập một chiến-tuyến, thứ hai cách 30 cây số về phía tây hải-khẩu Kertch. Miền Kouban gần eo bể đã có cuộc tổng động-binh và nhiều tướng-sĩ Nga cùng các quan cao cấp trong chính giới đã tới Krasnodar (thị-trấn miền Kouban) và Novorrossisk trên Hắc-hải.

Anapa là hải-quân căn-cứ của Nga gần eo bể, gần mỏm núi Caucase về phía tây cũng hết sức phòng-thủ.

Về phần Anh, tướng Wawell đã tập trung sáu triệu quân-đội tại biên-giới Ba-tư trên đất Caucase, để chặn đường quân Đức từ giọi đất Taman kéo lại. Hiện nay, mỗi ngày, thêm hàng nghìn quân-sĩ đưa tới Bassorah. Quân-cảng Kertch thất-thủ, là một nguy cơ cho miền Caucase. Đức có thể tấn-công vào duyên-hải Hắc-hải. Hải-khẩu Novorossisk sẽ là cái đích của cuộc tấn-công ấy, một khi Đức đã qua được eo bể Kertch, đổ bộ lên giọi đất Taman. Nếu Novorossisk bị chiếm, thì hải quân Nga sẽ phải dời xuống Batoum là một nơi căn-cứ rất xa ở dưới miền nam.

Đức lại có thể tấn-công vào phía bắc Caucase, tiến quân đến miền dầu hỏa Maikop.

Đức công-kích vào phía bắc Caucase sẽ gặp nhiều nỗi khó-khăn nguy-hiểm hơn là cuộc chiến-tranh quanh bể Azov và trên xứ Ukraine. Vì vậy, Nga hết sức phòng-thủ Sébastopol để lưu một phần quân đội Đức trên đảo Crimée, khiến Thống-chế Timochenko có đủ thì-giờ tổ-chức cuộc kháng-chiến quanh miền Caucase.

Sébastopol có nhiều cơ-quan quân-sự rất kiên-cố, trên đất có địa lôi-phục, dưới nước cũng đặt thủy-lôi.

Vì vậy, bán-đảo Crimée tuy đã vào tay quân Đức mà kinh-thành Sébastopol còn giữ vững thế thủ.

Sau khi Kertch thất-thủ, Đức đã tiến quân công-kích hải-khẩu Rostov, trên bể Azov, ngay cửa sông Don.

Rostov là then khóa miền nam lưu-vực sông Don, đã bị quân Đức chiếm được. Rostov thất thủ là kết quả đoạn thứ nhất cuộc tấn-công vào khu-vực hình chữ nhật Don-Volga-Hắc-hải-Caucase.

Đại-tướng Đức Von Kleist nhân cuộc thắng trận, hết sức tiến về phía đông-bắc, theo triền sông Don để tới hạ-lưu sông Volga miền Stalingrad.

Rostov thất thủ làm gián-đoạn đường hỏa-xa nối các thị-trấn Batoum-Pétrovsk-Rostov-Riazan và kinh-đô Mạc-tư-khoa. Đường giao thông Pétrovsk và Rostov cũng bị nghẽn. Quân của Đại-tướng Von Kleist cần tiến rất nhanh, đến Paivlovsk để cắt đứt đường hỏa-xa nối ngang hai thị-trấn Novorotisk và Stalingrad, làm cho miền Caucase không thể liên-lạc được với các nơi khác trên đất Nga.

Nhưng tới được Paivlovsk, Đại-tướng Von Kleisk sẽ phải qua nhiều trận huyết-chiến với quân của Thống-chế Timochenko hiện tập-trung rất nhiều tại miền hạ-lưu sông Volga.

Hiện nay, miền duyên-hải phía đông bể Caspienne là nơi tấn-công số một của quân đội Đức vào những đường vận-tải dầu hỏa. Rồi trong một thời-gian rất ngắn quân của Đại-tướng Anh Wawell đương tập-trung tại Ba-tư trên đất Caucase, ngay phía Nam bể Caspienne,

1) Muốn biết rõ tình thế, xin xem bài « Hắc-hải » đăng trong Tri Tân số lại 16, trang 15 có liên-lạc với bài này.

sẽ gặp quân Đức và khởi nhiều trận huyết-chiến.

Chẳng bao lâu cuộc tấn-công vào miền Caucase sẽ thực-hiện để đi đôi với cuộc tấn-công từ nam đến bắc vào lưu-vực sông Donetz chưa bị Đức chiếm.

Đức có thể do hai đường tiến quân vào Caucase :

1) Một đường về phía Nam, theo miền duyên - hải Azov, thị - trấn Azov, Jisk, Temrjuk, Taman, có thể liên-lạc tất cả quân-đội Đức, vì quân Đức, sau khi chiếm được hải khẩu Kertch và miền đông bán-đảo Crimée, cần phải tiến đến Novorossisk miền tây Caucase bên kia eo bể.

2.) Một đường về phía đông Caucase trên bờ bể Casp'enne và theo dọc đường hỏa xa Tichorjeski, Armavir, Grosuy, Petrovsk, Batoum.

Nay Đức đã lấy được Rostov. sẽ mở đường về lưu vực sông Don tức là tỉnh Stalingrad và hạ lưu sông Volga.

Nếu theo sau quân cảng Rostov, thị-trấn Stalingrad bị Đức chiếm cứ, Nga sẽ gặp nhiều nỗi khó-khăn trong cuộc trường kỳ đề-kháng.

Một miền có quan-hệ đến quân sự lại giúp ích trong việc sản-xuất hoa mầu đã vào tay quân Đức,thì đường giao thông với kinh thành Mạc-tư khoa sẽ bị cắt đứt. Như vậy chiến cụ của Anh-Mỹ gửi sang giúp Nga sẽ không thể do đường Caucase mà tới mặt trận Mạc-tư-khoa và Léningrad được nữa.

Đường vận tải chiến cụ qua miền Caucase bị gián đoạn sẽ là bước đầu cuộc thắng lợi của Đức trong chiến-lược làm cho Anh Mỹ tuyệt đường giúp Nga qua ba nơi Arcuangelsk, Mourmansk và Caucase.

Caucase đã không liên-lạc được với nội địa thì một khi Đức công kích, nó sẽ bị cô-lạp, tuyệt đường lương thực, không lối vận tải quân cứu viện nữa.

Caucase, then-khóa của Nga về miền Nam, một miền sản-xuất rất nhiều dầu hỏa giúp vào chiến-sự, một đường vận-tải chiến-cụ từ Anh-Mỹ đưa lại, nếu bị địch-quân chiếm cứ thì số phận nước Nga sẽ như trứng để đầu đẳng, mà sẽ quyết định trong một thời-gian rất ngắn...

Vì Caucase có quan-hệ đến cuộc sống còn của Nga, và có ảnh hưởng đến cuộc chiến tranh Anh Đức, nên Anh và Nga đã cùng nhau cộng tác mật thiết để giữ vững địa-thế, đã cùng nhau tập-trung rất nhiều lực lượng chung quanh bức trường thành Caucase để chống lại sức sâm lược của địch quân.

Trước tình-thế ấy, Đức đã công nhận không thể mua miền Caucase bằng một giá rẻ như các vùng khác của Nga.

Ta hãy chờ tương-lai định đoạt hơn là ức đoán suông trước khi cuộc chiến tranh kết liễu.

NHẬT-NHAM

Nhắn bạn M. P.

Bài C.D.T. vì một cớ riêng không ra được.

Nên uống trà

NAM LỘC

Trà NAM-LỘC hương thơm, vị mát, chế rất tinh khiết !

Mua buôn hay giao dịch xin hỏi :

TỔNG CỤC : 83A Phố nhà Rượu — Hanoi
(Rue Sergent Larrivé)

PHÂN CỤC : 228 Phố Paul Bert — Nam-định

Hiệu Cự Hương, phố Đông Thị Hải-dương

QUÝ GÀ HƠN MẸ

TRONG cuốn *Lĩnh-Nam trích-quái* có chuyện « Tích kê mai mẫu, » không phải không có căn-cứ.

Trên đường Hà-nội — Bắc-ninh, khi qua ga chùa Dận, du-khách thường để ý đến một tấm bia đá dựng ngay giữa cánh đồng, một tấm bia đã bị thời-gian làm xiêu đổ rêu phong in dấu tang-thương! Bao phen mưa nắng đã xóa nhòa những giòng chữ khắc trên mặt bia, khiến những khách tò-mò phải tốn công mới đọc được một vài chữ để ước-đoán cái thâm-ý của kẻ đã dựng ra bi-ký.

Trên mặt bia có bốn chữ cốt yếu *« Quý kê sát mẫu »* (Quý gà giết mẹ). Ai xem đến cũng hiểu ngay là một tấm bia dựng để răn những kẻ làm con bất hiếu với cha mẹ. Hỏi ra mới biết tấm bia này có một lịch-sử rất hay mà từ lâu ít ai chú ý.

Nguyên vùng ấy, xưa kia có hai vợ chồng hiếm-hoi, sinh được một người con trai rất quý-hóa, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Nhà con một, được cha mẹ hết sức chiều-chuộng, đứa con nhớn lên thành ra ngỗ-nghịch. Kịp lúc bố chết đi, không ai kiềm-chế. Mẹ góa đối với con côi, mẫu tử đã tình thâm, lại càng thương, càng nuông một cách trái lẽ.

Nhà làm ăn cũng thường thường bực trung, nhưng vì nghịch-tử giao-du với những quân vô-lại, miệt-mài trong chốn chuy-hoan, nên gia-tư sa sút. Đến khi lấy vợ, hắn cũng chẳng bớt phóng-đãng chơi-bời.

Tính thích trọi gà, nghịch-tử nuôi một con gà trọi rất đẹp! rất hay! giá đáng 30 quan tiền, nhưng *quý hơn vàng ngọc, ai giả bao nhiêu* cũng nhất định không bán.

Một hôm, chồng đi chơi vắng, vợ ở nhà sàng gạo, gà trọi đến quấy; đuổi nhiều lần gà cứ đi rồi lại quay lại mổ gạo như thường, không hề e-sợ. Vợ tức quá, cầm sàng ném gà, không may cạp sàng trúng đầu gà, gà lăn ra đất chết ngay. Chồng vốn là người hung-ác, thường-nhật xử với vợ như cừu-địch. Nay nhỡ tay nàng đánh chết gà của chồng, chắc không khi nào chàng để yên! Mà hiện bụng mang dạ chửa, nàng lại càng lo-sợ tới cực điểm!

Nàng khóc và nhờ mẹ chồng che-chở. Mẹ chồng vốn giận con mình vô-đạo, nên càng thương nàng dâu mà bảo rằng: « Chồng con là đứa hung-ác mà gà trọi vẫn được nó nâng-niu. Nay nhất-đán, con giết chết gà của nó, chắc con không tránh khỏi bị nó hành-hạ tàn-nhẫn. Thôi, con cũng không phải quan-tâm đến việc ấy, cứ vào buồng nằm, mẹ sẽ nhận lỗi thay con!

Con dâu tuân nhời mẹ chồng, vào buồng nằm, song vẫn chưa yên tâm, vẫn lo sợ đến nỗi lên cơn sốt rét!

Chồng về tới nhà, trước hết hỏi đến gà trọi, mẹ nhận vì trót nhỡ tay đánh chết gà rồi và xin đền mấy mẫu ruộng dưỡng-lão để mua gà khác.

Nghịch-tử lấy làm giận lắm, nhưng chưa nói gì, sai mẹ đi làm cơm. Mẹ làm cơm bưng lên; con ăn xong, lại sai mẹ lấy nước uống. Mẹ lấy nước uống xong; con lại sai mẹ lấy cuốc. Khi mẹ đem cuốc đến, con nắm gáy mẹ dúi xuống, rồi nắm tóc mẹ lôi ra đồng, quật mẹ nằm xuống mặt ruộng, lấy cuốc *đào đất định chôn sống mẹ.*

Chẳng dè quả báo, nó mới đào được vài lượt đất, thì trời nổi cơn rông... Một tiếng sét dữ-dội đánh trúng vào giữa mình đứa con bất-hiếu! Người mẹ sợ quá, ngóc đầu, ngồi dậy, nhìn đến con thì người đã bị cháy sém, chết ngay như cây gỗ. Tử-thi mai táng ngay tại cái huyệt đương đào dở để định chôn mẹ, lại hóa ra chôn mình.

Tin đồn đi mọi nơi; ai cũng cho là « Trời rất gần, chứ trời không xa! »

Rồi vì muốn làm gương cho thế-gian soi, dân làng cho dựng một tấm bia ngay chỗ sét đánh đứa con bất-hiếu « quý gà hơn mẹ » ấy để nhắc khách qua đường phải « cho tròn chữ hiếu mới là đạo con! »

NHẬT-NHAM

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 món 0p.30
A-Di-Đà kinh. Có 3 bổn: chữ Hán, quốc-âm, quốc-văn 0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Vu-lam, Phổ-môn (kinh tụng) 0.40
Sự tích Phật A Di-Đà 0.20
Phật Pháp vỡ lòng 0.20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay 1.00
Du lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống) 0.90
Triết-lý nhà Phật 1.00
Pháp-giáo nhà Phật 1.10
Na-Tiên Tỳ-kheo kinh (cuộc luận đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư) 0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ chữ vàng. 5.50
Gởi mandat, phụ thêm 10% cước phí.

Địa chỉ: Monsieur
ĐOÀN-TRUNG-CÔN
143 rue de Louvain Saigon

Nhi-đồng trước vấn-đề thể-dục

NGÀY nay, đời chẳng còn phẳng-lặng và dễ-dàng như hồi xưa. Các bực phụ huynh không ai là không tự hỏi : rồi sau đây con em ta làm sao mà *sống nổi giữa cuộc đời* vật-lộn khó-khăn này ?

Đời càng văn-minh bao nhiêu, máy-móc càng tinh-xảo bấy nhiêu, người ta lại càng cần phải có đủ sức khỏe, học-lực và nghị-lực để đối phó với hoàn cảnh, hơn nữa, để phấn-đấu với những trở-lực khó khăn.

Xã-hội mới ở hiện tại và tương-lai này phải cần cái gì ? Phải cần những người đủ điều kiện về thể chất và tinh-thần.

Vậy thế-hệ sau này hay hay dở, tốt hay xấu, là tùy theo ở cách ta nay gây nuôi đào-tạo thế nào.

Hiện nay vấn-đề nhi-đồng thể-dục không còn là câu chuyện mới lạ nữa, vì ai cũng nhận thấy rằng cách giáo-dục nghiêng về « văn nhược » ngày xưa chung quy chỉ làm yếu-hèn và tiêu-ma nòi giống !

Thể-thao đối với nước ta xưa là một việc bị rẻ rúng, vứt bỏ xuống tận cùng ! Trái lại, lúc này được ta chú ý tới và đặt lên trên cả mọi sự.

Cuộc chiến-tranh mới rồi, các vị tướng cầm quân nhận rằng đời sống không hoạt-động về thể-chất chỉ có lợi trong các văn phòng thôi. Cho nên ngày nay Chính-phủ đang hết sức chú-trọng vào việc thể-dục để cải tạo lại thanh-niên.

Nhưng thiết tưởng : việc gì cũng vậy, muốn cho nó được tràng-cửu, thì phải chăm nom ngay từ gốc, và phải xây đắp nền-tảng cho chắc-chắn đã.

Trong một nước, đàn trẻ em là nền-tảng tương-lai của xã-hội.

Từ trước tới nay, cũng có nhiều thiếu-niên hiểu biết ở đời cần phải khỏe, vì còn gì sung-sướng bằng một người có một khối óc trong sạch trong một cơ-thể cường-tráng. Nhưng từ ở trường kiêm-bị, sơ-học cho đến tiểu-học, trung-học, tôi nghiệm thấy, các học trò, ngoài giờ ăn, đều phải để hết thì-giờ chuyên về việc học, vì chương-trình học có nhiều môn, nhiều bài quá.

Một đứa trẻ mới 7, 8 tuổi mà trong óc non nớt đã phải bận rộn biết bao nhiêu là vấn đề, nào: toán-pháp, sử ký, địa dư, luân lý, cách trí, vân vân và nay lại thêm các việc ở chốn đình trung, hương ẩm và những bài nói về chức trách của từng viên tổng lý...

Từ bé đến lớn, từ trường kiêm-bị đến trường đại học, các trò ta lúc nào cũng lo thiếu thì-giờ để học. Hỏi còn đâu mà lo rèn luyện cho thân hình được cứng cáp, nở nang?

Đó vì cuộc đời « yên vị » trong các học đường đã làm họ yếu ớt thành những thân hình thon dài quá, có những tấm ngực quá « trũng » và những trái tim quá liệt nhược.

Ngày nay, nếu cứ để y nguyên chương trình học như thế mà lại thêm môn thể thao bắt buộc thì e rằng sẽ có hại lớn cho các trẻ em sau này.

Những điều cần thiết về tinh thần phải liên kết chặt chẽ với sự thích nghi của cơ thể.

Ta chớ nên quá chăm nom bồi bổ thứ nọ mà bỏ lãng thứ kia.

Vậy kết luận, chúng tôi mong Chính phủ trước khi cho áp dụng bản chương trình thể thao bắt buộc, nên hãy châm chước sửa lại chương trình về học vấn cho thích hợp với trình độ trẻ em đã.

Có như thế, ta mới hi vọng sau này dám dân chúng mới toàn là những người mạnh mẽ cả về thể chất lẫn tinh thần.

Hoa-Nam PHAN-KỲ-NÔNG

Cần mua

QUYỂN

Hán Việt từ điển

Tác-giả Đào Duy-Anh

Viết thư cho Huỳnh ngọc-Tiệm

Gò dầu hạ *Tây Ninh*

QUỐC - HỌC THƯ - XÃ

Sắp phát hành

THI-NGHỆ

(Lược-thuật về THƠ và nghệ-thuật làm THƠ).

Một cuốn sách mà tất cả các bạn làng thơ, các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ, các nhà khảo-cứu văn-thơ, .. đều phải đọc để hiểu rõ thơ và thưởng-thức được hết cái hay cái đẹp của thơ...

Sách TẾT của Quốc-Học Thư-Xã

TRĂM-HOA

Một cuốn sách xem TẾT, *khác hẳn các sách, báo* TẾT *từ trước tới nay từ cách biên-tập tới cách trình-bầy, sẽ đem lại cho bạn đọc tất cả thi-vị êm-đềm của ngày* TẾT *và của mùa* XUÂN.

Có ăn TẾT *với* «TRĂM HOA» *mới hưởng được hết các thi-vị của ngày* TẾT. *Gia-đình nào cũng phải có* «TRĂM HOA» *trong ngày* TẾT (*Thượng tuần tháng chạp sẽ có bán, các hiệu sách nên viết thư đặt trước tự giờ*).

ĐƯƠNG IN

TẦM NGUYÊN TỪ - ĐIỂN

Giấy thường	2 p. 80
Giấy bouffant	3 80
Giấy bouffant bìa vải chữ vàng	5 00

(*Loại sách giấy bouffant dành cho các bạn đặt tiền mua trước tự giờ, các hiệu sách không bán*).

Mua sách, đặt sách, viết cho

M. LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ - XÃ

16 bis Rue Tiên Tsin Hanoi

Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành (1757—1817)

NGUYỄN - TRIỆU

I

TIỂU-sử Nguyễn Văn-Thành, Bạn Nhật-Nham đã giới thiệu sơ với độc-giả Tri-Tân ở thiên « Dẫn-giải và chú-thích bài văn tế trận vọng tướng sĩ (T. T. số 23, trang 17, 18). Nay tôi xin nói lại cho thêm tường. Tằng-tổ ông Thành tên là Toán, quê ở Quảng-điền tỉnh Thừa-thiên, dời vào ở đất Gia-định ; đến đời ông tổ tên là Tính lại ra ở Bình-hòa, sau đến đời cha tên là Hiền thì lại vào ở Gia-định. (1)

Thành, tướng-mạo khôi-ngô, tính khí lại thâm trầm cương nghị, ham đọc sách và võ-nghệ cũng giỏi.

Bấy giờ vào đời Định-vương, Nguyễn Phúc - Thuần (2), hồi tháng hai năm Quý-tị (1773), Tây-sơn Nguyễn Văn-Nhạc khởi binh ở Quy-nhơn, Lưu - thủ Long-hồ Tống Phục-Hợp và Cai-bạ Nguyễn Khoa-Thuyên mộ quân cần vương, Nguyễn Văn-Hiền cũng đi mộ quân nghĩa-dũng để theo đánh giặc, liền được thụ chức cai đội quản bộ quân tiền chi, đánh nhau với giặc ở Phan-rang. Sau khi phá tan được quân bên địch, tiến lên Bình-khương thì Tống Phúc-Hợp đã thua quân Tây-sơn, phải lui về Nha-trang rồi Hiền tiến binh tới đảo Tam sơn, gặp quân địch giao chiến rồi tử trận, sau được truy tặng chức cai cơ rồi lên chưởng định và được liệt tự vào hai miếu « Hiền trung » và « Trung-tiết công thần ».

Khi trước, Thành cũng ứng mộ, theo phụ-thân đi đánh giặc, đóng quân ở Cầu-giang. Tống Phúc-Hợp sai Hiền đem mấy nghìn quân đi tải lương, Thành cũng xin đi theo. Đi đến nửa đường, quá nửa quân lính còn phải khiêng đội thóc gạo, không kịp phòng bị, thì gặp quân Tây - sơn đổ ra chặn ngang đường. Hiền thấy quân địch đến, ra hiệu cho con là Thành lui tránh đi, song Thành lẻn ra sau trận, sai quân đội thóc gạo giơ sào lên giả làm giao-mác và treo áo lên giả làm cờ, rồi vòng ra đằng trước vừa đánh trống vừa reo hò kéo lên, làm cho bụi bay mù mịt. Quân địch tưởng là có viện binh đến, phải tháo lui cả. Quan quân thừa cơ đánh theo được toàn thắng. Tống Phúc-Hợp khen Thành còn trẻ tuổi mà có mưu trí, bèn thưởng cho bạc và lụa.

Đến khi Hiền tử-trận thì đức Duệ-tôn phong cho Thành làm *Cai-đội* Thành cũng đi chiêu-tập được 800 quân tráng-dũng theo Đỗ Thanh-Nhân đánh Tây-sơn thu phục được Sài-côn.

Mùa Xuân năm Ất-tị (1785), Thành theo Nguyễn-vương là chúa Phúc Ánh sang Vọng-các, lại giúp vua Tiêm đi đánh tan được quân Diến-điện.

Khi ấy vua Tiêm muốn giúp binh, Nguyễn-vương họp các tướng-tá lại bàn, thì Thành tâu rằng quân Tiêm tàn-ngược trí-trá, không nên nhờ họ giúp nữa. Nếu nhờ binh-lực họ mà thành-sự thì lại phải lo về sau, không gì bằng hãy cứ yên-tĩnh mà đợi thời còn hơn.

Đến năm Đinh-mùi (1787), Thành phụng mạng đi đón Hà Hỉ-Văn là một người Tàu ở đảo Côn-côt cùng với mấy người nữa cũng cùng xin theo giúp vua Nguyễn, sau cả bọn bị bạt phong về Hà-tiên, tuyệt lương.

Khi quan quân thất lợi trận Mỹ-tho, có kẻ xui Thành về làng mà ở, Thành bảo rằng : *« Chúa, tôi là nghĩa cả, dù sống chết cũng phải nên giữ lấy, còn « sự thành bại là tại ở trời, ta liệu « trước sao đặng ; nếu nhân lúc « bại trận mà bỏ trốn, đó là kẻ « tiểu-nhân phản-phúc, ta không « thèm làm ».* Rồi Thành cùng bọn Hỉ-Văn tất cả 17 người vượt bể đi tìm theo vua Nguyễn.

Về tới Long-xuyên, nghe tin nhà vua đóng quân ở Ba-lai, Thành đến tận nơi, xin đi chiêu-tập quân nghĩa-dũng để đánh Tây-sơn.

Tháng 4 năm Canh - tuất (1790), Nguyễn - vương sai chưởng Tiền-quân Lê-Văn-Quân đem 5.000 quân thủy-bộ, lại sai Võ Tánh cùng Nguyễn Văn-Thành làm tiên-phong ra đánh lấy Bình-thuận. Không bao lâu lấy được Phan-rí và hạ được thành Bình-thuận, vương sai Văn-Quân ở lại, trấn-thủ Phan-rí, triệu Võ-Tánh và Nguyễn Văn-Thành về Gia-định. Sau Thành lại đem quân đi đánh giải vây, rồi

lại cùng Lê Văn-Quân giữ Phan-rí.

Tháng 3 năm Nhâm-tý (1792), nhân có gió nồm thổi mạnh, Thành lại cùng bọn Nguyễn Văn-Trương và hai thủy-quan người Pháp là Dayot (3) và Vannier (4) đem chiến thuyền từ cửa Cần-giờ ra cửa Thi-nại đốt phá hết thủy-trại của Tây-sơn rồi lại về.

Tháng 3 năm Quý-sửu (1793), Nguyễn-vương thân-chinh đi đánh Qui-nhơn, cho Nguyễn Văn-Thành làm Khâm-sai *Bình-sơn Tiền tướng-quân*, đem bộ-binh đi trước. Thành đi đến đâu dẹp tan đến đấy. Bấy giờ nghe tin thái-úy Tây-sơn là Nguyễn Văn-Hưng đem quân Phú xuân vào cứu-viện Qui-nhơn, Tiền quân Thành phụng mạng đem quân đến Thạch-tân chặn đường, đánh mấy trận, quân địch đều phải bỏ lui cả. Thành lại noi theo đường bộ, kéo binh đến hợp-lực cùng thủy-quân nhà Nguyễn ở cửa Thi-nại, rồi rút quân đến đóng ở Phú-yên.

Bấy giờ trong hàng tướng-tá có nhiều người nghi sợ quân Tây-sơn đến đánh đuổi. Thành cả-quyết mà nói rằng : « *Trong « Qui-nhơn, ngoài Thuận-hóa, « tuy là thân-thích, song kỳ-thực « là cừu-địch. Chẳng qua họ « mượn tiếng vào cứu-viện nhau, « nhưng thật thì chỉ muốn nuốt « nhau thôi. Nhạc cứu lấy mình « không xong, còn hơi sức đâu « mà đi đuổi người nữa ? . . . »*

Khi đại-binh nhà Nguyễn vào cửa Thi-nại thì vua Tây-sơn là Nguyễn Văn-Nhạc sai thái-tử là Nguyễn Bảo đem binh ra kháng-chiến. Nguyễn-vương bèn mật sai Võ Tánh đem quân lẻn đi với toán quân Tôn-thất Hội và Nguyễn Văn-Thành đánh tập-hậu. Bảo chống không lại, phải bỏ chạy về Qui-nhơn. Quân thủy bộ nhà Nguyễn bấy giờ đã liên-lạc được với nhau. Vương lại sai Tôn-thất Hội cùng Võ-Tánh, Nguyễn-Hoàng Đức (5) và Nguyễn Văn-Thành đem binh tiến lên đánh Qui-nhơn.

Nhạc phải cho ra Phú-xuân cầu-cứu.

Thấy viện-binh tới, biết thế chống không lại, vua Nguyễn rút quân về Gia-định, để Nguyễn Văn-Thành ở lại giữ Diên-khánh, Hoàng-Đức giữ Bình-thuận.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

---

1) *Đại-Nam chính-biên liệt-truyện, sơ tập*, quyển 21.

2) Định-vương Nguyễn phúc-Thuần (1754-1777) là con thứ 16 vua Võ-vương Nguyễn phúc-Khoát (1714-1765). Nguyên từ năm Giáp-tý (1744), Võ vương đúc ấn lên ngôi vua ở Phú xuân, lập hoàng-tử thứ 9 là Phúc hiệu lên làm thế tử vì hoàng trưởng tử đã mất sớm từ năm Quí tị (1773), con thế tử là Dương thì còn ít tuổi quá, nên vua để di-chiếu lập con thứ 2 là Phúc luân (hay Gọ) lên ngôi.

Năm Ất-dậu (1765), Võ vương băng, quyền thần Trương phúc Loan không muốn để cho ông hoàng thứ 2 lên làm vua, bèn tráo đổi tờ di chiếu của Võ-vương mà lập ông hoàng thứ 16 là Phúc-Thuần lên làm vua, tức là Định vương, năm ấy mới 12 tuổi, sau truy tôn thụy là Duệ-tôn Hiếu định hoàng-đế.

Tháng chạp năm Giáp-ngọ (1774), quân Hoàng ngũ Phúc vào chiếm cứ Thuận hóa thì Phúc Dương, là con Phúc-Hiệu, đi trước qua Hải vân quan, còn Định vương thì xuống thuyền ra cửa Tư dung, rồi vào Quảng nam. Sang đến năm sau là Ất mùi (1775), vua trở-tất tại Giá-tân thuộc Quảng nam, lập hoàng tôn Phúc Dương lên làm thế tử xưng là Đông-cung, mới được vài ngày thì quân Nguyễn văn Nhạc kéo đến đánh, kháng chiến không nổi, Đông cung Dương chạy lên ngả Câu đê, còn Định-vương thì qua Liên chữ. Trong khi ly-biệt, vua dặn Đông cung phải ở lại để ngài vào Gia định làm kế đánh xa cứu gần thì mới được. Đông cung vâng mạng.

Tháng 2 năm ấy, quân Hoàng ngũ Phúc lại kéo vô đánh Quảng nam. Định-vương phải xuống thuyền chạy ra bể, gặp phải gió bão, thuyền các quan theo hầu ngự giá của Tôn thất Kĩnh và Nguyễn cửu-Dật đều bị đắm, duy có ngự-thuyền vua và cháu ngài là Phúc-Ánh thì vô sự. Khi thuyền Định-vương và Phúc Ánh vào đến dinh Bình-khương, có Lưu thủ Tống phúc Hợp và Cai bạ Nguyễn khoa Thuyên ra rước, rồi cùng vô cả trong đất Gia định, trú tất tại Ngưu chữ.

3) Xem Tri-Tân số 21, trang 14.

4) Xem Tri-Tân số 16, trang 12-13.

5) Xem Tri-Tân số 11, trang 19 và số 12, trang 17.

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine
(Septembre 1939 — Jain 1940)
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

SỐ 1

TIỂU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

PHẦN THỨ NHẤT

I

NHÀ LÊ từ khi vua Lê Thái-Tổ đuổi quân Minh, lấy lại nước, lập nên đế nghiệp, truyền đến vua Chiêu Tôn (1516-1527) vừa được một trăm năm thì khí-số cũng dần dần kém. Thời oanh liệt đã mất, vẻ thịnh bình không còn nữa. Trong triều rối loạn, các quan chia bè đảng chống nhau. Vua Chiêu-Tôn phải giao quyền binh cho Mạc Đăng-Dung đánh dẹp.

Mạc Đăng-Dung trừ được loạn, phá tan các phe đảng, thu phục được quân sĩ của họ, liền nắm cả quyền chính trong tay, tự xưng là An-Hưng-vương, ra vào nghi Vệ như thiên tử vậy. Phàm các quyền chức trọng yếu trong triều, Mạc-vương đều giao phó cho những đầy tớ chân tay hay bạn-bè tâm-phúc, trung thành và đắc lực. Quan Đô-đốc kinh thành bấy giờ tên là Nguyễn-Tân cũng vào hạng ấy. Hắn vốn là một kẻ đồ tể bán thịt ở chợ Cổ-trai (Hải-dương, quê Mạc Đăng-Dung). Khi Mạc-vương còn hàn vi, một hôm bị đòi nợ rất ngặt ở chợ, nhờ được Nguyễn-Tân múa dao ra khất hộ. Nên nay Mạc-vương nhớ ơn ấy, bèn tâu cử y làm chức Đô-ty. Và sau ba năm trong hoạn trường, y đã thăng đến Đô-đốc Kinh thành, chức cao quyền lớn, coi giữ cả nơi kẻ chợ, trăm quan đều phải kiêng dè.

Nguyễn-Tân có một con giai lớn tên là Nguyễn-Bái, đã mười tám tuổi mà chẳng học hành gì, chỉ chơi bời thả cửa, không kiêng sợ ai cả. Ỷ quyền thế cha, suốt ngày đi với năm ba tên gia-nô, mang theo đàn chó, hắn giả vờ săn bắn, rong ruổi khắp phố phường và làng xóm, để hà hiếp đàn bà con gái. Thoáng thấy dáng dấp hắn, lách trách như con khỉ, da xám, tóc đỏ, đầu tròn, mặt gẫy, ai nấy đều phải lần trốn. Người ta sợ hắn như cọp dữ. Bởi vậy, dân gian đã có câu hát :

Khỉ xám theo sau,
Bảo nhau, bảo nhau mà chạy...
Mà chạy, mà chạy cho mau !

Một hôm, giời đầu thu mát-mẻ. Trên không mấy làn mây trắng lững lờ trôi. Cảnh giời êm lặng tươi xinh như một bức tranh. Nguyễn Bái với mấy tên gia nhân sang đò qua bến Bồ-đề rồi phóng ngựa theo đê sông Nhị-hà đi, đi mãi... Thỉnh thoảng đoàn du-lịch lại rẽ vào các làng ven sông, xông xáo khắp nơi như tìm tòi thám hiểm. Rồi sau, ngựa lại ra băng băng lồng nước đại, hay nhịp nhàng từng bước một trên đê sông Nhị. Bọn người cưỡi tha hồ ngắm phong cảnh, nhìn giời, mây, nước. Đối cảnh mà lòng nao nao, Nguyễn Bái thốt ra câu :

— Giời trong cảnh lặng thế này, giá có mỹ nhân đi cạnh thì sướng biết bao !

Bọn đi hầu nói khéo :

— Bẩm công tử đã muốn, tất thế nào rồi cũng gặp. Xưa nay công tử có chịu về không bao giờ !

Đoàn người ngựa lại vẫn đi. Không mấy chốc đã đến phố Hiến (1). Quanh co thăm phố xá một lát, cả bọn nghỉ vào quán rượu chè chén no say, rồi lại ra đi. Qua năm dặm, Nguyễn-Bái bỗng ngồi ngay người lên, nghển cổ nhìn về phía trước, ghì cương ngựa cho phóng nhanh như bay, mồm lắp bắp gọi bọn gia nhân :

— Mau lên, chúng bay !

Là vì hắn vừa trông thấy một thiếu nữ nhẹ nhàng đi lướt trên cánh đồng lúa mùa xanh rì, chập chờn như một nàng tiên trên làn mây biếc. Nhưng ngựa vừa đến nơi, thì thiếu-nữ đã lên đường vào nhà rồi. Bóng hồng đã khuất từ lâu, mà tường cao, cổng kín, với vẻ nhà oai nghiêm, anh chàng dê chỉ còn cách đứng thừ người ra nhìn quần, trong bụng nghĩ :

— Tức quá, thế thì tức thật !

Cúi mặt nghĩ một lúc, rồi hắn ngẩng lên bảo đầy tớ :

— Được rồi, chúng bay coi ngựa, đợi đây, để tao đi vòng xem...

Hắn đi quanh khu ấy. Nó là một cái trại nhỏ cách xa làng mạc, chung quanh có một lũy tre ngà, cây chen lá rậm xanh rờn, trông rất kiên cố, con chim sẻ bay cũng không lọt. Ở trong là một tòa lâu đài mới xây độ ít lâu, tường còn trắng nguyên và ngói mới chớm mốc. Đằng sau và hai bên là vườn cau và những cây chín chít những quả chín vàng ối. Đằng trước, về bên tả, ngay gần lối vào, một cái hồ bán nguyệt rộng ước ba mẫu, làn nước phẳng-lặng như tờ, trong suốt đáy. Trên mặt hồ có thả sen, tuy nay đã tàn nhưng lác đác vẫn còn mấy bông sen muộn như ngạo-nghễ với giời xanh và nước bạc. Tất cả đều tỏ ra là biệt-thự của một vị công hầu khanh tướng chi đây. Nhưng Nguyễn Bái có để ý gì đến những điều chi-tiết ấy. Hắn chỉ chăm-chú nhìn qua khe lũy, đợi chờ hình ảnh con người đẹp. Đứng đã lâu, mà mịt-mù nào có thấy tăm cá, bóng chim, trong lâu-đài vẫn tĩnh-mịch như dọa-nạt, hắn sốt ruột phải quay về chỗ cũ. Hắn hậm-hực hỏi :

— Chúng bay có biết đây là nhà ai ?

— Bẩm công-tử, chúng con vừa hỏi một người đi qua đây, họ bảo đấy là nhà quan Thượng-thư họ Phan.

1.) Hưng-yên bây giờ.

— Thượng-thư họ Phan nào nhỉ ?

— Bẩm, chắc họ về hưu lâu, công-tử chửa biết.

— Ừ phải, ta gọi cổng vào chơi đi.

Một tên gia-nhân đập cổng gọi sầm-sầm mãi, hét đã khản cả cổ mà ở trong vẫn không có tiếng thưa. Tức mình, Nguyễn Bái quát :

— Phá cổng ra mà vào !

— Bẩm công-tử cổng kiên-cố lắm không phá được ạ ! Vả đây là dinh-thự một quan Thượng-thư hưu-trí, xin công-tử chớ có khinh suất, nhỡ mang tiếng. Chi bằng ta tìm một người nào hỏi dò cho rõ lai lịch và sự thể trong gia-đình này thế nào, để sau sẽ liệu.

— Ừ, ta ra đầu làng kia, chúng bay đi kiếm mau lấy một người về ta hỏi :

Hai tên gia-nhân đi một lúc, dắt về một bác nông-phu, mặt xám mét, run như cầy sấy, lù-dù lọt giữa hai thân hình hách-dịch, lăng-xăng.

Trừng mắt nhìn bác nhà quê đang khúm núm lễ mình, Nguyễn Bái dõng-dạc hỏi :

— Ta hỏi mày mấy điều, mày phải nói cho thực, hễ mau-trá, ta sai quân lính đánh cho năm trăm trượng, nghe không ? Mà khai rành-mạch rõ-ràng, ta sẽ thưởng cho.

— Bẩm lạy quan-lớn, vâng ạ !

Một tên đầy tớ bảo :

— Đây là công-tử con quan Thừa-tướng, to hơn quan-lớn kia, phải bẩm Ngài là các-hạ...

— Vâng, lạy các-hạ.

Nguyễn Bái ậm-oẹ hỏi :

— Mày có biết nhà ai kia không ?

Bác nhà quê ngoảnh trông theo tay trỏ, rồi cúi đầu đáp :

— Bẩm các-hạ, nhà quan Thượng-thư !

— Tên gì ?

— Bẩm các-hạ, quan Thượng-thư họ Phan.

— Nhưng tên là gì chứ ?

— Bẩm các-hạ, con cũng không được biết.

— Cái nhà ông ấy không đi lại gì với dân ngoài hay sao ? Sao mà cổng đóng im-ỉm, ta cho gọi mãi cũng không có người thưa !

— Bẩm các-hạ, quan Thượng-thư ngài chỉ mở cổng có buổi sáng, ai ra vào hỏi-han gì cũng chỉ buổi sáng thôi, còn buổi chiều ngài không tiếp ai cả.

— Ông ta có cô con gái đẹp lắm, phải không ?

— À ! Các-hạ muốn vào xem mắt. Bẩm vâng, quan Thượng chỉ có một con gái đẹp lắm Đã bao nhiêu nơi danh-giá quyền-quý đến dạm hỏi, nhưng cô đều chối-từ cả. Nghe đâu như cô ấy không muốn lấy chồng.

— Mày nói lạ, mỹ-nhân còn đợi anh-hùng đấy thôi. Năm nay cô ta độ bao nhiêu tuổi ?

— Bẩm các hạ, cô ấy mới độ mười sáu, mười bảy, mà đã đẹp lắm, đẹp tuyệt trần, đẹp như tiên vậy.

— Có phải lúc nãy cô ấy vừa đi thăm đồng về không ?

Bác nông-phu đứng ngẩn người ra, nghĩ giây-lát, rồi mới đáp :

— Bẩm không ạ. Đấy là con tiểu-tỳ của Phan tiểu-thư đấy ạ !

— Tiểu-tỳ cũng đẹp vậy, cô ta khéo kén nhỉ ?

— Dạ ! Bẩm tiểu-thư còn đẹp gấp trăm gấp nghìn ấy chứ !

— Được rồi. Thế thì càng tốt. Tên cô ta là gì ?

— Bẩm các hạ, quý danh tiểu-thư là Liên-Tường.

— Liên-Tường ! Cái tên sao mà đẹp vậy ! Thật là *tên* xứng với *người*.

— Ấy, bẩm *tên* ấy cũng có điển-tích kia đấy ạ. Nguyên trước quan Thượng-thư hiếm-hoi mãi chưa có con-cái gì, nên thường hay bơi thuyền uống rượu ngâm thơ ở trong hồ sen. Ngài thích sen lắm. Ngài thường bảo sen là hoa quân-tử. Một hôm, cũng giời thu như thế này, hoa sen đã tàn rữa hết, lá héo khô cụp xuống nước, trông rất tiêu-điều. Ngài đương thơ-thẩn ngậm ngùi mà than thở cho sen và cảm thương cho mình. Bỗng một cơn gió thổi, hương đâu đưa ngào-ngạt, ngài ngơ-ngác trông tìm thì trong đám sen tàn rành-rành một đóa hoa mới nở. Ngài cười và nói : « Tiết đã sang thu rồi mà sen còn nở, là điềm hay đây. Ta phải ngắt đem về để thưởng ngoạn cái của quí trái mùa và chờ xem có ứng nghiệm gì không .. »

Ngài liền bơi thuyền lại gần ngắt lấy. Còn đương ngắm-nghía trên tay, thì trên bờ con gia-tỳ gọi báo phu-nhân vừa sinh được một vị tiểu-thư. Ngài mừng quá, cười nói to lên rằng : « À ! Thế ra cái điềm hay thật ! Sen quá mùa mà có hoa, cũng như ta đã già mà sinh con gái ! Ngày xưa, ông Lương-Kỳ mộng thấy hoa sen cũng sinh con gái, sau con gái ấy làm đến mẫu-nghi thiên-hạ. Nếu vậy con gái ta sau này tất cũng được đại-quý. Vô-nam dụng nữ, thật là một điều vui mừng cho ta lúc tuổi già ! » Vì vậy, ngài đặt tên là Liên-Tường, để ghi lấy cái điềm hoa sen tốt-lành.

Nguyễn Bái nghe xong, hớn-hở mà rằng :

— Có cái điềm quý như vậy thật đáng là vợ ta, sau này đường-đường là một vị mệnh-phụ ở Triều-đình . . . Đây ta thưởng cho mày năm tiền, và mày có gặp người nhà quan Thượng-thư thì nhắn rằng sắp-sửa có con quan Đại-thần ở Kinh về cầu thân đấy.

— Bẩm các-hạ, xin vâng ạ !

Bác nông-phu tươi-tỉnh lui về. Thày trò Nguyễn Bái cũng lên ngựa phóng theo đường cũ.

CHU-THIÊN

(*Còn nữa*)

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được :

1·) Thằng Tuất (tiểu-thuyết) của ông Trần mai-Ninh do nhà in Tân-Việt 49 Rue Takou xuất-bản.

Sách gầy 88 trang, giá bán 0p,45.

2·) Một linh-hồn, tiểu-thuyết của bà Thụy-An, do báo Đàn-Bà xuất-bản.

Sách giầy 228 trang, giá bán 1 p.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới-thiệu với độc-giả Tri-Tân.

Những ông nghè triều Lê

Tiếp theo trang 4

nên lấy làm trừng - giới, người thiện nên lấy làm khuyến-khích, chứng rõ việc đã qua, rộng bảo về tương-lai, một là giúp cho nhiều học-trò trọng danh-tiết như đá, hai là giúp mệnh-mạch nhà nước cho vững-bền. Bậc thánh-thần đặt ra, ý rất sâu-xa ; phàm việc gì cũng muốn để cho người ta quan-chiêm vào, có phải là việc cẩu thả đâu ? Thần-hạ chúng tôi kính chép.

« Phụng trực đại-phu, Hàn-lâm viện thừa-chỉ, Đông-các đại-học-sĩ Thân-nhân. Trung phụng sắc soạn. — Cần-sữ-lang trung-thư giám chính - tự Nguyễn - Tủng phụng sắc viết. — Mậu-lâm-lang kim-quang-môn đãi - chiếu Tô-Ngại phụng sắc triện.

« Bia dựng ngày rằm tháng tám, năm Hồng-đức thứ mười năm (1484) vua nước Việt. »

◆

Ông Thân-Nhân-Trung, làm ra bài bia dịch trên, là người ở Yên-ninh (Yên-dũng). Hơn 50 tuổi mới đỗ hội-nguyên khoa kỷ-sửu, năm Quang-thuận thứ mười (1469) đình-thí đỗ đồng-tiến-sĩ. Làm Hàn-lâm viện thị độc, rồi làm Đông - các đại-học-sĩ, sau thăng Hàn-lâm viện thừa-chỉ, nhưng kiêm Đông-các và Quốc-tử tế-tửu. Năm Hồng-đức qui-mão (1483) cùng ông Quách-Đình-Bảo và ông Đỗ-Nhuận vâng mệnh vua Lê Thánh-Tôn biên chép bộ *Thiên-nam dư-hạ tập* và họa theo tập *Quỳnh-uyển cửu-ca* của vua. Vua gọi là « Tao-đàn đô-nguyên-súy », cho thăng Lại-bộ thượng-thư, kiêm Hàn-lâm viện nhập-thị-nội phụ-chính, kiêm Đông-các như cũ. Thọ hơn tám mươi tuổi. Chữ nghĩa điền-nhã hồn-hậu, không hề làm một việc gì đối dá, chỉ lấy cách vật tri-tri làm vui. Con là Nhân-Tín Nhân-Võ cùng thời hiển đạt. Vua Lê Thánh-Tôn thường ban thơ, có câu rằng : «Nhị Thân phụ tử mộc ân vinh », nghĩa là hai cha con họ Thân thấm ơn vinh hiển (xuất xứ ở *Lịch triều hiến chương loại chí* của ông Phan Huy - Chú, quyển 7, *Nhân-vật-chí*.)

Kỳ sau sẽ đăng danh sách những ông nghè khoa Đại-bảo.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại, thấy còn nhiều bạn đọc suốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Chuyện thơ

Bài thơ cứu mệnh

ĐỜI Đường (618-907), có Vương-Duy, tên tự là Ma Cật, là một thi-sĩ nổi tiếng một thời.

Sinh ở tỉnh Thái-nguyên, Vương bẩm tính trung trực ngay thẳng, vẫn thường mạt sát đám ô-lại, không hề sợ kẻ quyền-thế.

Năm Khai-nguyên thứ mười chín, Vương thi đỗ Trạng-nguyên, được bổ làm quan trong triều, lĩnh chức Tả thập-di cấp-sự-trung (một chức quan to ở triều Đường).

Gặp hồi An-lộc-sơn dấy loạn, tiếm quyền, vua Đường phải bỏ kinh-sư đi trốn. Có một số người a-dua với giặc, ra phò-tá An-lộc-sơn.

Nhưng Vương không chịu khuất, uống thuốc giả câm, ẩn một chỗ.

Thường nghe danh Vương là người tài-hoa, lỗi-lạc, An-lộc-sơn mến tài, ép Vương ra làm quan với mình, nhưng còn giam-cầm ở chùa Phổ-thi.

Một hôm, giặc mở đại yến ở Ngưng-bích-trì, đàn hát tưng bừng, bắt Vương phải soạn bài hát để các nhạc-công, ca-kỹ diễn tấu.

Ngậm mối căm-hờn, Vương nuốt hận mà chiều lòng giặc, nhưng ngoài các bài hát tức cảnh, Vương vịnh một bài thơ như sau này :

Nguyên-văn chữ hán. . .

Vạn hộ thương tâm sinh dã yên,
Bách quan hà nhật tái triều thiên !
Thu hòe diệp lạc không cung lý,
Ngưng-bích trì đầu tấu quản huyền !

Dịch :

Muôn dân đau khổ, ruộng đồng hoang !
Biết thủa nào quan thấy quốc-vương !
Xơ-xác cung thu hòe rụng lá,
Mà hồ Ngưng-bích hát đàn vang !

Có kẻ đem bài thơ ấy mách với giặc, nhưng giặc thấy lời-lẽ đầy vẻ trung-trực, nên cũng không dám làm gì.

Bài thơ ấy truyền ra đến ngoài, ai ai cũng phải thán phục, khen Vương dám cả gan trêu tức giặc.

Câu chuyện vịnh thơ bay đến tai vua Đường lúc ấy đang sửa-soạn về triều diệt giặc.

Về sau, quả nhiên vua phá tan được An-lộc-sơn, trở lại kinh sư, trị vì. Vua đem những người đã phụng sự An lộc sơn ra làm tội riêng có Vương vì bài thơ kia, nên được phục hồi chức cũ. (1)

Thuần-Thần và Đức-Vượng

(1) *Xin coi thêm tiểu-sử Vương-Duy ở Tri-Tân số 6, trang 8.*

Ô - tô, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1$00 một vé

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tín nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1·) Thuốc bổ thận *Đức-phong giá* 1p.50
Chữa các chứng thận hư : di tinh, mộng tinh khí hư

2·) Thuốc điều kinh bổ huyết *Đức-phong giá* 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3) Thuốc bổ tỳ tiêu cam *Đức-phong giá* 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4·) Thuốc đại bổ *Đức-phong giá* 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI : Hiệu thuốc Đức-tiến, 200b Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-hưng-Tường 437 Ngã tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon.

Nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống huốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tự-Quí